

**PHẦN 3: NÊU DẪN CÁC VIỆC:
THỌ GIỚI, THUYẾT GIỚI, AN CƯ, TỰ TỬ, DA THUỘC,
Y, THUỐC V.V...**

Chương VII: THUỐC

1. Các loại thuốc

Bấy giờ, tại nước Ba-la-nại, có năm Tỳ-kheo đến chỗ Đức Thế Tôn đánh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

- Bạch Đại đức, nên ăn thức ăn nào?

Đức Phật dạy:

- Cho phép ăn thức ăn do khát thực được, gồm có năm loại thức ăn.¹⁵⁹⁴

Bấy giờ, có Tỳ-kheo khát thực nhận được cơm. Phật dạy:

- Cho phép ăn.

Nhận được các thức ăn bằng cơm, như cơm gạo lúa tám, cơm đại mạch, cơm gạo mì,¹⁵⁹⁵ cơm lúa tẻ, cơm câu-bạt-đạt-la.¹⁵⁹⁶ Phật dạy:

- Cho phép ăn cơm như vậy.

Nhận được lương khô,¹⁵⁹⁷ Đức Phật cho phép ăn các loại thuộc lương khô. Nhận được cơm khô, Đức Phật cho phép ăn các loại cơm khô. Nhận được cá, Đức Phật cho phép ăn các loại cá. Nhận được thịt, Đức Phật cho phép ăn các loại thịt. Nhận được canh, Đức Phật cho phép ăn các loại canh. Nhận được tu-bộ,¹⁵⁹⁸ Đức Phật cho phép ăn. Nhận được sữa, Đức Phật cho phép dùng các loại sữa. Nhận được lạc, Đức Phật cho phép ăn các loại lạc. Nhận được sữa đông,¹⁵⁹⁹ Đức Phật cho

1594. Đây chỉ năm loại chánh thực, hoặc âm là bồ-xà-ni, Pali: bhojana, chỉ thức ăn mềm. Xem Phần i, Ch.iv, điều >5 & cht. 180, 201, 202.

1595. Đây chỉ năm loại chánh thực, hoặc âm là bồ-xà-ni, Pali: bhojana, chỉ thức ăn mềm. Xem Phần i, Ch.iv, điều >5 & cht. 180, 201, 202.

1596. Câu-bạt-đạt-la 俱跋陀羅.

1597. Khứu 糗. Pali: Kummāsa (Skt. kulmāsa) cháo chua. Xem Hành sự sao (T40n1804 tr.117c27).

1598. Tu-bộ 修步. Pali (Skt.): sūpa, nước thịt; súp thịt.

1599. Lạc 酪. Pali (Skt.): dadhi, váng sữa, sữa đông, sữa đặc.

uống các loại nước sữa đông¹⁶⁰⁰. Nhận được kiết-la,¹⁶⁰¹ Đức Phật cho phép dùng. Nhận được man-nâu,¹⁶⁰² Đức Phật cho phép dùng các loại man-nâu. Nhận được rau, Đức Phật cho ăn các loại rau. Nhận được thức ăn khư-xà-ni,¹⁶⁰³ Đức Phật cho phép ăn các thức ăn khư-xà-ni. Khư-xà-ni gồm có rễ, cọng, lá, bông và trái, cũng như dầu mè, đường mía,¹⁶⁰⁴ các thức ăn bằng chưng nấu.

Khi Đức Thế Tôn ở tại nước Ba-la-nại, bấy giờ có năm Tỳ-kheo từ chỗ ngồi đứng dậy đến trước Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài rồi đứng lui qua một bên, bạch Phật:

- Nên uống thứ thuốc nào?

Đức Phật dạy:

- Cho uống thứ thuốc hủ lạn.¹⁶⁰⁵ Tỳ-kheo bệnh nào có nhân duyên thì được phép dùng loại thuốc suốt đời.

1. Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang nằm trên võng, có Tỳ-kheo bệnh, theo lời dạy của thầy thuốc, dùng trái ha-lê-lặc¹⁶⁰⁶. Đức Phật dạy:

- Cho phép Tỳ-kheo bệnh, có nhân duyên suốt đời được dùng trái ha-lê-lặc.

2. Phật ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo bị chứng thống phong,¹⁶⁰⁷ thầy thuốc bảo dùng nước trấp lúa mạch chua. Phật cho phép dùng. Tỳ-kheo không biết làm cách nào. Đức Phật dạy:

Bảo tịnh nhân rửa sạch đồ đựng, đem lúa mạch ngâm cho nát, rồi lọc lấy nước trấp mà uống. Nếu nước lúa mạch bị hôi thì đập lại. Có cặn thì cho phép dùng đồ lọc. Tỳ-kheo không biết làm cái lọc thế nào. Đức Phật dạy: Cho phép dùng các loại như đồng, gỗ, hay tre làm đồ để lọc, như dĩa lọc nước, có ba góc, hoặc lớn hoặc nhỏ. Nếu trong lúa mạch bị khô thì bảo tịnh nhân cho thêm nước vào. Bấy giờ, Tỳ-kheo bệnh uống nước lúa mạch ngâm trước mặt mọi người, khiến các Tỳ-kheo thấy vậy đều nhòm góm. Phật dạy:

1600. Lạc tương 酪漿. Pali (Skt.): dadhi-mandaka, nước sữa chua; sữa chua chất phần đông, phần lỏng còn lại gọi là lạc tương hay lạc thủy; toan nhủ chi.

1601. Kiết-la 吉羅. Pali: Khīra, sữa tươi. Sữa chỉ chung.

1602. Man-nâu 蔓(少/兔). Pali (Skt.): manda, váng của các loại ngũ cốc đun sôi; phần tinh chất, thượng vị, đề hồ.

1603. Khư-xà-ni 佉闍尼. Pali (Skt.): Khādaniya, thức ăn cần phải cắn; thức ăn cứng; đậm thực, ngạnh thực.

1604. Thạch mật 石蜜. Pali (Skt.) phāṇita, mật mía, đường mía; đường thẻ hay đường cát thô.

1605. Hủ lạn dược 腐爛藥. Pali: pūti-mutta (Skt. pūti-mukta-bhainajya), cũng dịch là trần khí được. PTS định nghĩa: nước tiểu của gia súc được dùng làm thuốc.

1606. Ha-lê-lặc 呵梨勒. Pali (Skt.): harītaka, harītakī, một loại trái chua, tên khoa học Myrobalan vàng, dùng để nhuộm màu vàng hay để xỏ.

1607. Hoạn phong 患風. Skt. vāyvādhika, chứng thống phong, bệnh gút.

- Trước nhiều người không được uống như vậy. Nên uống chỗ
v
- ắng. Bảy giờ tất cả Tăng đều cần nó. Đức Phật dạy:
 - Tất cả Tăng có thể uống chung.
 - Khi các Tỳ-kheo mỗi người dùng đồ đựng riêng để uống, nên
những đồ đựng đó có mùi hôi xông khắp nơi. Đức Phật dạy:
 - Không được chứa riêng mà nên dùng một cái rồi chuyển nhau
uống chung.
 - Có Tỳ-kheo uống rồi không rửa chén, đưa cho Tỳ-kheo khác. Đức
Phật dạy:
 - Không được như vậy. Nên rửa rồi mới đưa cho người khác.
 - >. Phật ở tại nước Xá-vệ. Có Tỳ-kheo bị thổ tả. Tỳ-kheo nấu cháo,
phút chốc đã quá ngọ. Đức Phật dạy:
 - Cho phép, nếu là lúa mạch nguyên hạt; hay bằng lúa tẻ nguyên
hạt. Nấu cho chín, không để cho vỡ hạt; rồi lọc lấy nước uống.
 - Bảy giờ, có Tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo dùng bệ-hê-lặc,¹⁶⁰⁸
Đức Phật cho phép dùng.
 - Thầy thuốc bảo dùng a-ma-lặc,¹⁶⁰⁹ Đức Phật cho phép dùng. Nếu
có Tỳ-kheo vì nhân duyên bệnh thì có thể dùng suốt đời.
 - 4. Bảy giờ, có Tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo dùng tô-la,¹⁶¹⁰ Đức
Phật cho phép dùng. Tỳ-kheo có nhân duyên bệnh thì được phép dùng
trọn đời.
 - Bảy giờ, Tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo dùng thuốc trái cây,¹⁶¹¹
Đức Phật cho phép dùng. Nếu không phải là thức ăn thường thì Tỳ-kheo
có nhân duyên bệnh được phép dùng trọn đời.
 - Bảy giờ, có Tỳ-kheo bệnh, cần năm loại thuốc rễ lớn.¹⁶¹² Đức Phật
dạy: cho phép dùng. Cần năm loại thuốc rễ nhỏ,¹⁶¹³ Đức Phật cho phép
dùng. Tỳ-kheo vì nhân duyên có bệnh được uống trọn đời.
 - Bảy giờ, có Tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo uống thuốc chất-đa-
la¹⁶¹⁴. Đức Phật dạy:
 - Tỳ-kheo có nhân duyên bệnh trọn đời được dùng.

1608. Bệ-hê-lặc 醯勒. Pali (Skt.): vibhītaka, quả xuyên luyện 川練, dùng làm thuốc.

1609. A-ma-lặc 阿摩勒. Pali: amba (Skt. āmra), quả xoài.

1610. Tô (?) - la (麩-夫+生) 羅. Cī lē Pali (Vin.i. 201): sulasī, cây húng quế.

1611. Quả dược 果藥.

1612. Đại ngũ chủng căn dược 大五種根藥.

1613. Tiểu ngũ chủng căn dược 小五種根藥.

1614. Chất-đa-la dược 質多羅藥.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo uống thuốc kế-sa.¹⁶¹⁵
Đức Phật dạy: Tỳ-kheo có nhân duyên bệnh được dùng trọn đời. Kế-sa gồm cả rễ, cọng, lá, hoa và trái của kế-sa.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo dùng sa-lê-sa-bà.¹⁶¹⁶
Đức Phật dạy: Tỳ-kheo bệnh cho phép dùng sa-lê-sa-bà, gồm cả rễ, cọng, lá, hoa, quả. Nếu cứng thì nghiền cho nhỏ. Thức-cừ¹⁶¹⁷ cũng như vậy, đế-thổ¹⁶¹⁸ cũng như vậy.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bệnh, thầy thuốc bảo uống cây lá lốt¹⁶¹⁹ và hột tiêu, Phật dạy:

- Tỳ-kheo có nhân duyên bệnh cho phép dùng trọn đời.

5. Bấy giờ, có Tỳ-kheo bệnh, cần các thứ thuốc bột mịn¹⁶²⁰ để tắm rửa, Đức Phật cho phép dùng các thứ thuốc bột mịn như bột cây hồ đồng, bột cây tai ngựa,¹⁶²¹ bột cây xá-ma-la,¹⁶²² hoặc tự mình chà xát hay thay nhau chà xát. Khi cần chà và cối, Đức Phật cho phép chứa dùng. Cần nia, sàng, chổi để quét Đức Phật cho phép chứa dùng.

Bấy giờ. Các Tỳ-kheo e ngại không dám lấy hương bột bỏ vào thuốc bột để xoa, Đức Phật cho phép chứa dùng. Khi thuốc bột không có đồ đựng, Đức Phật cho phép dùng bình để đựng. Nếu bụi đất vào, Phật cho phép dùng nắp đậy lại. Muốn cần bảo đảm, Phật cho phép buộc dưới giường, hoặc treo trên vách hay trên cọc ngà voi.^{162>}

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bệnh dùng thuốc bột thô xoa vào người để tắm rửa, bị đau. Đức Phật cho phép bột mịn, hoặc bùn mịn, hay lá hay hoa hay trái làm thành bột mịn, khiến cho bệnh nhân được khoan khoái. Nếu thân thể bị ghẻ lở, hoặc hắc lào, hay nhọt, ghẻ ngứa, cho đến thân thể bị hôi thúi.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bệnh cần muối để làm thuốc, Đức Phật cho

1615. Kế-sa được 沙藥. Skt. kesara (?): nhụy hoa, râu hoa, hương tu.

1616. Sa-lê-sa-bà được 娑梨娑婆藥.

1617. Thức-cừ 式渠.

1618. Đế-thổ (hay nậu?) 帝菟. Phụ chú trong bản: “đọc là đế thổ 底吐.”

1619. Tắt-bạt 蕁, loại cỏ, trở hoa trắng mùa xuân; quả như quả dâu. Gốc từ Ba-tư. (Từ nguyên)

1620. Tế mạt được 細末藥. Dược sự I (T24n1448 tr.2a16): sấp được #藥, trị ghẻ. Skt. kanāya. Pal (Vin.i. 201): Kasāva. Phật cho phép dùng các loại sấp được: nimbakasāva, kunjajakasāva, panolakasāva, phaggavakassāva, nattamalakasāva.

1621. Mã nhĩ 馬耳. Từ nguyên không thấy ghi. Có lẽ nguyên Skt. aśva-karṇa, loại cây có lá hình tai ngựa; tên khoa học Vatica Robusta.

1622. Xá-ma-la 舍摩羅. Skt. śālmala (?), một loại cây bông gòn (để dệt lụa), mộc miên.

162>. Tượng nha đặc 象牙杙; các phần trước gọi là long nha đặc. Tức gạc nai dùng để máng đồ

phép dùng. Muối¹⁶²⁴ ở đây gồm muối sáng, muối đen, muối viên, muối lâu-ma, muối chi-đầu-bệ, muối mỏ, muối than, muối tân-đà-bà, muối thi-lô-bệ, muối biển.¹⁶²⁵ Nếu Tỳ-kheo nào có nhân duyên bệnh được dùng trọn đời.

6. Bảy giờ, có Tỳ-kheo bệnh cần tro¹⁶²⁶ để làm thuốc, Phật cho phép dùng tro để làm thuốc. Trong các loại tro này gồm có tro tát-xà, tro tân-na, tro ba-la-ma. Nếu Tỳ-kheo có nhân duyên bệnh được dùng suốt đời.

7. Bảy giờ, có Tỳ-kheo bệnh cần thuốc xà-bà,¹⁶²⁷ Đức Phật cho phép dùng. Trong thuốc xà-bà gồm có hình-ngưu, hình-nga-bà-đề, thi-bà-lê-đà, bộ-thê-dạ-bà-đề, tát-xà-la-sà,¹⁶²⁸ nếu Tỳ-kheo có nhân duyên bệnh được dùng trọn đời.

8. Bảy giờ, có Tỳ-kheo bệnh cần thuốc trị con mắt,¹⁶²⁹ Đức Phật cho phép dùng. Loại thuốc nhỏ mắt gồm có: đà-bà-xà-na, kỳ-la-xà-na. Nếu Tỳ-kheo có nhân duyên bệnh được dùng trọn đời.

Bảy giờ, có Tỳ-kheo bị bạch ế^{16>0} sinh nơi mắt, cần huyết của người; bạch Phật. Phật cho phép dùng.

1624. Mahāvagga vi. Vin.i. 202, năm loại muối: sāmuddam (muối biển), kāmālonam (muối đen), sindhavam (muối đá), ubbhidaṃ (muối ăn), bilam (muối đỏ). Được sự I (T24n1448 tr.1b27), năm loại muối: ô diêm 烏鹽; xích diêm 赤鹽; bạch thạch diêm 白石鹽; chủng sinh diêm 種生鹽; hải diêm 海鹽.

1625. Các loại muối: minh diêm 明鹽, hắc diêm 黑鹽, hoàn diêm 丸鹽, lâu-ma diêm 樓 Skt. romaka, muối của người La-mã (nhập); chi-đầu-bệ diêm 支頭鹽, lỗ diêm 鹵鹽, hôi diêm 灰鹽; tân-đà-bà diêm 新陀婆鹽, saindhava, muối biển, đặc biệt vùng Shindu; thi-lô-bệ diêm 施盧鹽, hải diêm 海鹽. So sánh, Mahāvagga vi; Được sự I, xem cht. >1 trên.

1626. Hôi được 灰藥. Các loại hôi được: tát-xà 薩闍; (Skt.sarja), tân-na 寶那; ba-la-ma 波羅摩. Skt. kāra, tinh chất lấy được từ chúng cất hay đốt thành tro; Được sự I, có năm loại: tro vỏ trấu (Skt. yavakṇāra), tro râu lúa (Skt. yavānūkakāra), tro dầu mè (tilakāra), tro từ cỏ ngưu tất (sarjikākāra), tro lá cây bà-sa (vāsakākāra), một loại hương liệu, tên khoa học Gendarussa Vulgaris hay Adhatoda Vasica.

1627. Xà-bà được 闍婆. Được sự I (T24n1448 tr.1b21): niêm được 黏藥, dược liệu lấy từ nhựa cây. Năm loại: a-nguy 阿魏, ô khang 烏糠, tử khoáng 紫礦, hoàng lạp 黃蠟, tất hương 悉香. Pali, ibid., jatūni bhejjāni, nhựa cây dùng làm thuốc: : hingu, hingu-jatu, hingu-sipātika, taka, takapatti, takapanma. MūlVinay.i.2: hingu, hưng cừ hay a-nguy; sarjarasa, nhựa cây sa-la (ô khang); taka, nhựa tử khoáng để nhuộm màu tía; takakarṇī: hoàng lạp (sáp vàng), lấy từ sáp ong (sikthaka); tadāgata, tất hương, nhựa của các loại cây khác.

1628. Các loại thuốc bà-xà (Skt., Pali: jatu: nhựa cây): hình-ngưu 馨牛, (hingu); hình-nga-bà-đề 馨莪婆提, thi-bà-lê-đà 尸婆梨陀, (Skt.sivānikā); bộ-thê-dạ-bà-đề 步梯夜婆提, tát-xà-la-sà 薩闍羅婆. (Skt. sarjarasa). Xem cht. >4 trên.

1629. Nhân được 眼藥. Được sự, năm loại thuốc chữa mắt (an-thiện-na 安繕那, Skt. adjana): hoa (Skt. pūmpa); nước cốt (rasa); bột (cūrṇa); viên (gunikā); cháo chua, (sauvīraka: tao-tì-la thạch, một loại đá của người Sauvīra?). Tứ phần, có hai: đà-bà-xà-na 陀婆闍那, Skt. (?); kỳ-la-xà-na 耆羅闍那, Skt. gairāḍjana, thuốc chữa lấy từ một loại đất đỏ

16>0. Bạch ế 白翳.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị bạch ế làm cho con mắt bị bệnh, cần xương người. Đức Phật cho phép dùng.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo mắt bị bệnh bạch ế, cần tóc mịn nhuyễn.

Đức Phật cho phép đốt tóc lấy bột thoa mắt.

Bấy giờ, Tất-lăng-già-bà-ta bị bệnh đau mắt, cần cái lược bằng lưu ly để chữa. Đức Phật dạy:

- Vì chữa trị bệnh mắt nên được phép tích trữ để dùng.

9. Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bị chứng thống phong, thầy thuốc bảo ăn ngó sen. Khi ấy, Tôn giả Mục-liên đến chỗ Tôn giả Xá-lợi-phất, chào hỏi xong, ngồi một bên, hỏi Tôn giả Xá-lợi-phất:

- Bệnh có bớt không?

Tôn giả Xá-lợi-phất nói:

- Chưa bớt.

Tôn giả Mục-liên lại hỏi:

- Cần thứ gì?

Tôn giả Xá-lợi-phất đáp:

- Cần ngó sen.

Tôn giả Mục-liên nói:

- Nơi phương đông có ao lớn A-nậu^{16>1} nước trong veo, không bụi bặm, uống nước đó không sinh bệnh hoạn gì cả. Cách đây không xa lại có cái ao rộng năm mươi do tuần, nước trong sạch, không có bọt nhờn, có ngó sen như cái trục bánh xe. Khi bể, nó tiết ra nước trấp như sữa. Ăn vào, ngọt như mật. Và cách ao này không xa, có núi vàng. Sườn núi cao năm mươi do tuần, trong đó có bảy đại long tượng vương, anh em cùng ở với nhau. Con nhỏ nhất cung cấp cho một vua Diêm-phù-đề. Con lớn kế đó cung cấp cho vua hai thiên hạ. Con lớn hơn nữa cung cấp cho Chuyển luân Thánh vương của bốn thiên hạ. Y-la-bà-ni^{16>2} long tượng vương thì cung cấp cho Thiên đế Thích. Các long tượng vương kia xuống ao tắm rửa và uống nước trong sạch đó, rồi dùng vòi nhỏ ngó sen, rửa sạch bùn để ăn, nên sắc da rất tốt, khí lực dồi dào. Ngó sen nơi ao đó có thể ăn được.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất im lặng chấp thuận. Khi Tôn giả Mục-liên thấy Tôn giả Xá-lợi-phất chấp thuận bằng cách im lặng, liền biến khỏi nước Xá-vệ, trong chớp nhoáng như co tay vào duỗi tay ra, hiện đến bên bờ ao kia, hoá làm đại long tượng vương, có hình sắc to đẹp hơn bảy tượng vương kia. Bảy tượng vương kia khi thấy, đều kinh

16>1. A-nậu 阿耨. Pali: Anotatta (Vô nhiệt trì), 1 trong 7 ao lớn trên Tuyết sơn.

16>2. Y-la-bà-ni 伊羅婆尼; Pali: Erāvana, con voi của Thiên-đế.

hoàng, lông trong mình dựng ngược lên, vì sợ rằng nó sẽ đoạt ao của mình. Bấy giờ, Đại Mục-liên thấy bảy long tượng vương kia ôm lòng sợ sệt liền hiện nguyên hình. Bảy long tượng vương hỏi Mục-liên:

- Tỳ-kheo cần gì?

Tôn giả Mục-liên nói:

- Tôi cần ngó sen.

- Tỳ-kheo cần ngó sen sao không nói sớm. Khiến chúng tôi sợ hoảng hồn, lông trong người dựng ngược lên cả.

Bảy long tượng vương liền vào trong ao tắm rửa và uống nước, rồi lấy vôi nhỏ ngó sen, rửa sạch bùn, trao cho Mục-liên.

Bấy giờ, Mục-liên nhận được ngó sen rồi, liền biến khỏi ao này, hiện lại nước Xá-vệ, đến trong Kỳ-hoàn, trao ngó sen cho Xá-lợi-phất và nói:

- Ngó sen đây.

10. Khi Tôn giả Xá-lợi-phất ăn xong, bệnh lành liền. Số ngó sen còn dư trao cho người nuôi bệnh. Người nuôi bệnh trước đó đã nhận lời thỉnh nên không dám ăn. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy:

- Cho phép người nuôi bệnh, đã nhận lời thỉnh hay không nhận lời thỉnh, được ăn thức ăn của người bệnh còn lại.

Có các Tỳ-kheo trước đó đã nhận thức ăn, rồi đến tụ lạc kia có đàn-việt mời ăn, ăn xong trở về đến trong Tăng-già-lam, đem thức ăn đã nhận cho các Tỳ-kheo khác. Các Tỳ-kheo này trước đó đã nhận lời thỉnh nên không dám nhận, vì không ai nhận nên vị ấy đem thức ăn bỏ. Các loài chim quạ đến dành ăn, kêu la inh ỏi.

Bấy giờ Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi A-nan:

- Vì sao chim quạ kêu la inh ỏi như thế?

Tôn giả A-nan trình bày đầy đủ sự việc lên Đức Phật.
Đức Phật

d
ạy: - Từ nay về sau cho phép làm pháp dư thực^{16>>} để ăn.

Vị kia đem thức ăn đến trước một Tỳ-kheo thưa:

- Thưa Đại đức, tôi đã nhận lời thỉnh (hoặc nói tôi đã ăn). Xin Đại đức chứng biết cho.

Vị Tỳ-kheo tác dư thực pháp nên lấy một ít thức ăn mà ăn; rồi nói: Tôi đã ăn rồi, thầy có thể dùng đi. Nên làm pháp dư thực như vậy rồi ăn.

Bấy giờ, có vị trưởng lão Thượng tọa, được rất nhiều người biết, vào thôn khất thực. Rồi đem đến một nơi, ngồi ăn. Ăn xong, đem thức

16>>. Xem Phần I, Ch. v, Ba-dật-đề >5.

ăn dư đến trong Tăng-già-lam cho các Tỳ-kheo khác. Các Tỳ-kheo trước đó đã nhận lời thỉnh nên không dám ăn. Không ai ăn nên đem bỏ. Chim quạ tranh nhau ăn, kêu la inh ỏi. Đức Thế Tôn biết mà vẫn cố hỏi A-nan:

- Vì sao chim quạ kêu la như thế?

Tôn giả A-nan đem sự việc bạch lên Đức Thế Tôn một cách đầy đủ. Ngài dạy:

- Từ nay về sau, cho phép, tự mình đem thức ăn về, làm pháp dư thực, thì được ăn.

Làm pháp dư thực bằng cách đem thức ăn đến trước Tỳ-kheo kia
nói:

- Thưa Đại đức, tôi đã nhận lời thỉnh (hoặc nói tôi đã ăn). Xin thầy chứng biết cho.

Vị tác pháp dư thực kia nên lấy một ít thức ăn, ăn rồi nói: Tôi ăn rồi đó. Thấy cứ dùng đi. Nên làm pháp dư thực như vậy rồi ăn.

Bấy giờ, Tỳ-xá-khư Vô-di-la Mẫu^{16>4} nhận được nhiều trái cây tươi. Bà liền nghĩ như vậy: Nay ta nên làm thức ăn thỉnh Phật và Tăng thọ thực rồi dùng trái cây này dâng cúng. Nghĩ xong, liền sai người đến trong Tăng-già-lam thưa:

- Cúi xin chư Đại đức nhận bữa ngọc trai của chủ con vào ngày mai.

Trong đêm đó, lo sửa soạn các thức ăn ngon. Sáng ngày sai người đến báo giờ.

Đức Thế Tôn khoác y, bưng bát, cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo đến nhà Tỳ-xá-khư Vô-di-la Mẫu, an tọa nơi chỗ ngồi. Tỳ-xá-khư Mẫu dùng các thức ăn ngon bỏ dâng cúng Phật và Tăng. Ăn xong, dẹp cất bát rồi, bà lấy một chiếc ghế thấp ngồi một bên. Đức Thế Tôn dùng nhiều phương tiện thuyết pháp, khai hóa, khiến bà hoan hỷ. Đức Thế Tôn nói pháp rồi rời chỗ ngồi ra về.

Khi Tỳ-xá-khư Vô-di-la Mẫu dâng thức ăn, quên đem quả để dâng, bèn nghĩ: Ta vì trái tươi này nên thỉnh Phật và Tăng dùng cơm. Nay lại quên đem quả để dâng. Nghĩ như vậy rồi, bà liền sai người đem trái tươi đến trong Tăng-già-lam cúng cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo ăn rồi, nên không dám nhận. Đến bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nếu từ thí chủ kia đem đến thì nên làm pháp dư thực để ăn.

Pháp dư thực như trước đã nói.

16>4. Xem Phần I, Ch. iv. Ni-tát-kỳ 27.

2. Các loại thịt

1. Thế Tôn ở tại thành Vương-xá, có Tỳ-kheo bị bệnh điên cuồng, đến nơi lò giết bò trâu, ăn thịt sống và uống máu. Bệnh lành, bản tâm hồi phục, lo sợ phạm giới. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không phạm. Nếu các Tỳ-kheo khác bị bệnh như vậy, ăn thịt sống và uống máu mà bệnh được lành thì cũng được phép dùng.

2. Thế Tôn ở tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ gặp lúc mất mùa, lúa gạo khan hiếm, khát thực khó được. Các Tỳ-kheo khát thực không được nên đến chỗ nuôi voi để xin. Bấy giờ các quỷ thần vì tín kính Sa-môn nên khiến voi chết. Các Tỳ-kheo nhờ đó nhận được thịt voi để ăn. Đức Thế Tôn khởi từ niệm, bảo các Tỳ-kheo:

- Voi là một binh chủng của Vua. Nếu nhà Vua nghe được việc này tất không hoan hỷ. Từ nay về sau không được ăn thịt voi.

>. Bấy giờ, các Tỳ-kheo ở nước Ba-la-nại khát thực không được nên đến nơi chuồng ngựa để xin. Lúc ấy có quỷ thần vì tín kính Sa-môn, liền khiến ngựa chết. Các Tỳ-kheo nhờ đó mà nhận được thịt ngựa để ăn. Đức Thế Tôn từ mẫn, bảo các Tỳ-kheo:

- Ngựa là một binh chủng của Vua. Nếu vua nghe được chắc không hoan hỷ. Từ nay về sau không được ăn thịt ngựa.

4. Bấy giờ, có Tỳ-kheo đến nước Ba-la-nại khát thực không được, bèn đến nơi người đánh cá^{16>5} để xin. Bấy giờ có quỷ thần vì tín kính Sa-môn nên khiến các loài rỗng chết. Tỳ-kheo nhờ đó nhận được thịt rỗng^{16>6} để ăn.

Bấy giờ, Thiện Hiện Long vương^{16>7} từ nơi ao của mình ra, đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân Ngài, rồi đứng qua một bên thưa:

- Kính bạch Đức Thế Tôn, có loài rỗng có thể làm khô ráo một quốc độ hay ít hơn một quốc độ, mà nay các Tỳ-kheo lại ăn thịt loài rỗng này. Lành thay! Đức Thế Tôn, đừng cho Tỳ-kheo ăn thịt loài rỗng.^{16>8}

Đức Thế Tôn nghe Thiện Hiện Long vương nói, im lặng nhận lời. Khi Thiện Hiện Long vương biết Đức Phật hứa khả rồi, đầu mặt kính lễ Phật, rồi về lại bản xứ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng nhân duyên này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, bảo: Hiện có loài rỗng có đại thần lực, có oai đức, có thể làm

I6>5. Hán: thủy đế hành nhân 水底行人, chỉ thợ lặn, hay người đánh cá.

I6>6. Chính xác, nên hiểu là thịt rắn. Cf. Mahāvagga vi, Vin.i.220.

I6>7. Thiện Hiện Long vương 善現龍王. Pali, Vin.i. 219, Supassa. Hán đọc là Sudassa(na). Ngũ phần 22 (T22n1421 tr.148c26): Thiện Tự Tại Long vương 善自在龍王.

I6>8. Ngũ phần, đã dẫn: “Hoặc khi có thể con rắn đó là rỗng.” Thập tụng²⁶ (T2>n14>5 tr.186c29): “Rắn và rỗng, đều cùng một giống cả.”

khô ráo một quốc độ, hay ít hơn một quốc độ, mà các Tỳ-kheo ăn thịt loài rỗng này. Từ nay về sau không được ăn thịt loài rỗng.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo ở nước Ba-la-nại khát thực không được, bèn đến nhà Chiên-đà-la, nơi đó nhận được thịt chó và ăn. Các Tỳ-kheo đi khát thực, chó ghét chạy theo sủa. Các Tỳ-kheo nghĩ: Trong số chúng ta, chắc có người ăn thịt chó nên khiến chúng nó ghét, chạy theo chúng ta sủa. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau không được ăn thịt chó, nếu ăn phạm đột-kiết-la.

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ có Tỳ-kheo uống thuốc tiêu xổ. Có vị ưu-bà-di tên là Tô-tỳ,^{16>9} đến Tăng-già-lam, thăm viếng các phòng. Đến chỗ Tỳ-kheo, hỏi:

- Thầy bệnh thế nào?

Tỳ-kheo nói:

- Tôi uống thuốc tiêu xổ.

Tô-tỳ lại hỏi:

- Thầy cần gì?

Tỳ-kheo bệnh nói:

- Cần thịt.

Tô-tỳ thưa:

- Con sẽ đem thịt đến.

Tô-tỳ liền trở về Ba-la-nại, sai người cầm tiền đi mua thịt. Tô-tỳ nói với người chạy việc:

- Anh cầm tiền này đi mua thịt đem về đây.

Hôm đó tại Ba-la-nại người ta không mổ thịt. Người đàn ông đi khắp nơi tìm mua mà không có, trở về đến chỗ ưu-bà-di thưa:

- Thưa đại gia, đại gia biết cho, hôm nay người ta không mổ thịt, con tìm mua khắp nơi mà không có thịt.

Ưu-bà-di nghĩ như vậy: Ta hứa cúng thịt cho Tỳ-kheo bị tiêu xổ. Sợ rằng Tỳ-kheo này không nhận được thịt, hoặc có thể qua đời. Nếu vì sinh tử này mà Tỳ-kheo phải qua đời thì đối với pháp người xuất gia bị thối chuyển. Nếu là bậc hữu học thì không được thăng tiến. Nếu là A-la-hán thì khiến cho thế gian bị mất phước điền. Nghĩ như vậy xong, ưu-bà-di liền vào phòng sau, lấy dao bén tự cắt thịt trong người, gói lại. Bảo đưa ở nấu, rồi đem đến Tăng-già-lam cho Tỳ-kheo bị bệnh tiêu xổ. Đưa ở làm theo lời dạy, đem đến dâng cho Tỳ-kheo. Tỳ-kheo ăn xong bệnh liền lành. Vị ưu-bà-di kia sau khi tự cắt thịt mình rồi, cả người bị đau nhức vô cùng, hết sức khổ não. Trước đó phu chủ của ưu-bà-di đi

16>9. Tô-tỳ 蘇卑. Pali, Vin.i. 216ff. Suppiyā.

khỏi, khi về không thấy Tô-tỳ nên hỏi:

- Tô-tỳ ưu-bà-di ở đâu?

Gia nhân thưa:

- Bà bệnh nằm trong nhà.

Phu chủ hỏi:

- Bệnh gì?

Tô-tỳ trình bày rõ nhân duyên. Phu chủ nói:

- Chưa từng có người nào có lòng tin kính Sa-môn như Tô-tỳ, đến mức không thương tiếc kể cả thân mạng như vậy.

Tô-tỳ ưu-bà-di nghĩ: Nay ta đang bị đau nhức vô cùng, có thể do đây mạng sống sẽ chấm dứt. Nay ta nên sắm sửa các thứ đồ ăn thức uống để thỉnh Phật và Tăng đến thọ thực, ngõ hầu có cơ hội ta được chiêm ngưỡng lần cuối. Tô-tỳ liền sai người đến Tăng-già-lam, thưa:

- Kính thỉnh Đại đức Tăng sáng mai đến thọ thực.

Đức Thế Tôn nhận lời bằng cách im lặng.

Liên trong đêm hôm đó, các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ được chuẩn bị đầy đủ, sáng sớm sứ giả đến thưa đã đến giờ. Bấy giờ, Đức Thế Tôn khoác y, bưng bát, cùng các Tăng Tỳ-kheo đến nhà của Tô-tỳ ưu-bà-di, an tọa nơi chỗ ngồi. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi:

- Ưu-bà-di Tô-tỳ đâu không thấy?

Gia chủ thưa:

- Vì bệnh nên ở trong nhà.

Đức Phật bảo:

- Gọi ưu-bà-di Tô-tỳ ra đây.

Gia chủ liền vào trong nhà nói:

- Đức Phật bảo gọi cô ra.

Tô-tỳ ưu-bà-di nghĩ như vậy: Ta đã được Đức Thế Tôn gọi. Bà liền đứng dậy bước ra, đột nhiên sự đau nhức bỗng chấm dứt, vết thương lành lại như cũ, không hề có tí vết chi cả. Khi ưu-bà-di Tô-tỳ đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, rồi đứng lui qua một bên. Đức Phật dạy:

- Không được làm như vậy! Không được làm như vậy! Tô-tỳ ưu-bà-di nên cho như vậy, nên học như vậy. Không được tự gây khổ cho mình. Cũng không được gây lo rầu cho người.

Bấy giờ, Tô-tỳ ưu-bà-di tự tay châm sốt các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ. Đức Phật và Tăng ăn xong, cất bát. Tô-tỳ lấy chiếc ghế nhỏ ngồi một bên. Bấy giờ Đức Phật vì ưu-bà-di phương tiện nói các thứ pháp, khiến bà được hoan hỷ. Đức Thế Tôn vì bà nói các pháp xong

liền từ chỗ ngồi ra về. Đến trong Tăng-già-lam, qua chỗ Tỳ-kheo bị tiêu xổ, hỏi:

- Ông được Tô-tỳ ưu-bà-di đem thịt đến cho ông ăn phải không?

Vị ấy thưa:

- Bạch Thế Tôn, có.

Đức Phật hỏi:

- Ông có ăn không?

Vị ấy thưa:

- Có ăn.

Đức Phật lại hỏi:

- Ngon không?

Vị kia thưa:

- Ngon, thịt thơm ngon như vậy khó mà có được.

Đức Phật dạy:

- Ông là người ngu si, ăn thịt người. Từ nay về sau không được ăn thịt người. Nếu ăn, phạm tội Thâu-lan-giá. Các thứ thịt đáng tởm khác cũng không được ăn. Nếu ăn thì phạm đột-kiết-la.

Thế Tôn ở nước Ba-la-nại. Có cư sĩ, cha của Da-thâu-già¹⁶⁴⁰ đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện vì ông mà nói pháp khai hóa khiến ông được hoan hỷ. Cha của Da-thâu-già nghe Phật nói pháp khai hóa tâm sinh đại hoan hỷ rồi, từ chỗ ngồi đứng dậy bạch Phật:

- Cúi xin Ngài nhận lời thỉnh mời của con.

Bấy giờ Da-thâu-già đang đứng hầu sau Đức Phật, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời mời thỉnh, còn Da-thâu-già không nhận lời mời, vì Đức Phật chưa cho phép ông nhận biệt thỉnh. Đức Phật dạy:

- Có hai cách thỉnh cho phép được nhận. Hoặc là thỉnh Tăng, hoặc là thỉnh riêng.

Bấy giờ, có một cư sĩ khác có ý nghĩ: Làm phước đức gì để Tăng thường được cúng dường, và sự bố thí của ta không dứt tuyệt?

Cư sĩ liền bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép thường làm thức ăn cho Tăng.

Ông thưa như vậy:

- Con không thể thường làm thức ăn cho chúng Tăng được.

- Làm phước đức gì để Tăng thường được cúng dường, và sự bố thí của ta không dứt tuyệt?

Cư sĩ liền bạch Phật. Đức Phật dạy:

1640. Da-thâu-già 耶輸伽. Pali, Vin.i. 2>9, Yasojja.

- Cho phép Tỳ-kheo thường đến nhà ông thọ thức ăn.

Vị kia liền thưa:

- Con không thể thường làm thức ăn cho đạo nhân ăn được.

- Làm phước đức gì để Tăng thường được cúng dường, và sự bố thí của ta không dứt tuyệt?

Cư sĩ liền bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép Tăng sai đến thọ thực, hoặc đưa thức ăn¹⁶⁴¹ đến trong Tăng; hoặc thức ăn ngày mồng tám, ngày bố-tát, thức ăn ngày mồng một¹⁶⁴² trong tháng.

Bấy giờ, có cư sĩ nghĩ: Cần làm phước gì để cúng dường thuốc chữa bệnh cho chúng Tăng? Vị ấy bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép cúng tiền thuốc cho chúng Tăng.

Bấy giờ, có cư sĩ vừa làm xong phòng xá mới mà không có đạo nhân ở, nghĩ: Cúng dường chúng Tăng thứ gì để các Tỳ-kheo đến ở nơi phòng này? Vị ấy bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép nấu cháo để trong phòng.

Nếu các vị không ở thì lại cho phép làm các thứ bánh và trái trong phòng. Nếu các vị không ở thì nên làm thức ăn cho. Nếu không ở thì cho phép cho tiền phòng.¹⁶⁴³ Nếu các vị vẫn cố không chịu ở thì cho phép cho giường dây, giường cây, nệm ngồi, gối, đồ trải dưới đất. Nếu vẫn cố không ở thì nên cho áo lót, giạ, mền. Nếu vẫn cố không ở thì cho bình bát cùng ba y. Nếu vẫn cố không ở, thì nên làm cánh cửa, móc cửa, cho cây gậy, cho giày dép, cúng dù, cho quạt, cho bình nước, cho bình nước rửa, cho đồ đựng nước, cho các thứ dùng trong nhà tắm như bình đựng nước tắm, giường, cho vật cạo ghét, cho hương xông, cho hương hoàn, cho y phòng. Nếu vẫn cố không chịu ở, thì nên cúng tất cả vật cần dùng của Sa-môn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn đang nằm trên võng. Các Tỳ-kheo đi khát thực, thấy một người nặn sữa bò cho bò bê uống. Rồi lại nặn. Từ miệng con bò ghé, tiết ra một thứ nước bọt giống như sữa. Sau đó các vị nghi không dám uống sữa, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép uống sữa. Ngài nói, phương pháp nặn sữa là như vậy.

Thế Tôn ở tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, vào mùa thu, các Tỳ-kheo mắc bệnh nên nhan sắc tiêu tụy, hình dung khô gầy, sinh ghẻ lở.¹⁶⁴⁴ Khi

1641. Tống thực 送食: mang thức ăn đến chùa cho tỳ-kheo.

1642. Mồng một, tính theo tháng 15 ngày; kể thêm ngày 16, nếu tính tháng >0 ngày.

1643. Thính dữ phòng tiền 聽與房錢; chưa hiểu ý.

1644. Nhân duyên, đã kể trong Phần I, Ch.iv. Ni-tát-kỳ 26. Truyện kể, Cf. Vin.i. 199: mùa thu, các tỳ-kheo bệnh, ăn cháo và các thứ vật thực, đều ói ra cả.

ấy, Đức Thế Tôn ở nơi tịnh thất khởi ý nghĩ như vậy: Tháng mùa thu, các Tỳ-kheo mắc bệnh, nhan sắc tiêu tụy, thân hình khô gầy sinh ghẻ. Nay ta nên cho phép các Tỳ-kheo ăn thứ gì để trị các chứng bệnh ấy? Ngài liền nghĩ: Có năm thứ thuốc người đời thường dùng¹⁶⁴⁵ là váng sữa, dầu, mật, bơ lỏng, đường mía.¹⁶⁴⁶ Ta nên cho các Tỳ-kheo dùng để làm thuốc chữa bệnh gầy ốm, như phương pháp dùng lương khô¹⁶⁴⁷ vậy. Nghĩ như vậy rồi, xế hôm ấy, từ nơi chỗ vắng đứng dậy, đem việc này tập hợp các Tăng Tỳ-kheo, Ngài dạy:

- Vừa rồi ở chỗ vắng Như Lai tư duy sự việc như vậy, như vậy. Từ nay về sau cho phép các Tỳ-kheo có nhân duyên bệnh được dùng năm thứ thuốc: váng sữa, dầu, mật, bơ lỏng, đường mía.

Các Tỳ-kheo nhận được các thứ thuốc ăn béo bổ; trong thời gian giữa ngày, không thể ăn kịp, hướng chi nay lại thêm năm thứ thuốc này cũng trong thời gian giữa ngày. Lúc ấy, thuốc tuy nhiều mà người bệnh không kịp giờ để uống, nên các Tỳ-kheo bệnh hoạn càng tăng, hình thể vẫn khô gầy, nhan sắc vẫn tiêu tụy. Bấy giờ, Đức Thế Tôn biết mà vẫn cứ hỏi Tôn giả A-nan:

- Sao các Tỳ-kheo hình thể nhan sắc vẫn như vậy?

Tôn giả A-nan đem nhân duyên trên bạch lên Đức Phật một cách đầy đủ. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, nếu Tỳ-kheo nào có bệnh, thời hay phi thời, đều được phép dùng năm thứ thuốc ấy.

Bấy giờ các Tỳ-kheo bệnh nhận được thức ăn béo bổ, không thể ăn hết, cho người nuôi bệnh. Người nuôi bệnh nhận lời thỉnh rồi, nên không ăn mà đem bỏ. Các chim quạ tranh nhau ăn kêu la inh ỏi. Đức Phật biết mà vẫn cố ý hỏi A-nan:

- Tại sao các loài chim quạ kêu la như thế?

Tôn giả A-nan đem nhân duyên trên bạch đầy đủ lên Đức Phật.

Đức Phật dạy:

- Cho phép người nuôi Tỳ-kheo bệnh, dù nhận lời thỉnh hay không nhận lời thỉnh, được phép ăn thức ăn của người bệnh ăn chưa hết; không phạm.

Bấy giờ, Tôn giả Xá-lợi-phất bị bệnh thống phong, thầy thuốc bảo

1645. Tham chiếu Pali, Vin. i. 199: bhesajjāni ceva bhesajjasam-matāni ca lokassa āhāratthaṃ ca pharanti na ca onāriko āhāraṃ paññāyati, “Đây là những thứ mà thế gian xem là thuốc, có thể sung làm thức ăn, nhưng không được kể như là thức ăn chính.”

1646. Tô, du, mật, sinh tô, thạch mật 酥油蜜生酥石蜜. Pali: sappi, navanan, telam, madhu, phāmitam.

1647. Phạn khứu pháp 飯糗法.

ăn năm thứ mỡ: Mỡ gấu, mỡ cá, mỡ lừa, mỡ heo, mỡ cá sấu.¹⁶⁴⁸ Tôn giả bạch Phật, Phật cho phép dùng. Nhận đúng thời, lọc đúng thời, nấu đúng thời như phương pháp dùng dầu. Nhận phi thời, lọc phi thời, nấu phi thời; không được dùng. Nếu dùng thì như pháp trị.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo du hành trong nhân gian tại nước Xá-vệ. Bấy giờ, gặp lúc mất mùa, lúa gạo khan hiếm, nhân dân đói khổ, khát thực khó được. Có năm trăm người ăn xin thường đi theo sau Đức Phật. Bấy giờ, Đức Thế Tôn đi chưa xa lắm, đến dưới một bóng cây bên đường, trải ni-sư-đàn ngồi. Lúc ấy có một cư sĩ tên là Tư-ha-tỳ-la,¹⁶⁴⁹ là người huấn luyện voi, chở đường cát đen¹⁶⁵⁰ trên năm trăm cỗ xe, đi ngang qua đường. Trên đường đi, thấy tướng bánh xe nghìn căm¹⁶⁵¹ nơi dấu chân Đức Phật có ánh sáng rõ ràng, liền theo dấu chân tìm đến. Từ xa thấy Đức Thế Tôn ngồi dưới gốc cây, tướng mạo đoan chánh, các căn tịch tịnh, điều phục tối thượng, cũng như long tượng vương, tối thắng không ai sánh kịp, thí như đáy nước lóng trong không có bọt nhơ. Thấy Đức Thế Tôn như vậy, người huấn luyện voi sinh lòng kính tín, đến trước Ngài, đảnh lễ sát chân, rồi lui ngồi qua một bên. Đức Thế Tôn vì cư sĩ Tư-ha mà phương tiện nói các pháp, khai hóa, khiến được hoan hỷ. Bấy giờ, Tư-ha cư sĩ nghe Đức Phật nói pháp sinh đại hoan hỷ, liền cúng dường các Tỳ-kheo mỗi vị một tô đường cát đen. Các Tỳ-kheo không nhận vì Đức Phật chưa cho phép nhận đường cát đen. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật cho phép nhận đường cát đen. Đức Phật bảo Tư-ha cúng cho mỗi Tỳ-kheo một tô đường cát đen. Tư-ha vâng lời Phật dạy. Cúng cho mỗi vị một tô đường cát đen. Cúng xong, còn dư đường cát đen. Phật bảo tùy ý cúng lại lần thứ hai, lần thứ ba. Cúng ba lần xong vẫn còn dư. Phật bảo cho người ăn xin. Cho rồi vẫn còn dư, Phật bảo cho lại lần thứ hai, lần thứ ba, để người ăn xin được no đủ. Cho người hành khát đầy đủ rồi vẫn dư. Đức Phật bảo Tư-ha, nên đem đường cát đen còn dư để chỗ tịnh địa, hoặc trong nước không trùng. Tại sao vậy? Vì chưa từng thấy chư thiên hay loài người, các ma, phạm vương, hay Sa-môn, Bà-la-môn nào ăn loại đường cát đen này mà có thể tiêu hóa được, ngoại trừ Như Lai, Vô sở

1648. Trong bản: thất-thủ-ma-la 失守摩羅; Pali: sumsumāra; Skt. śisumāra. Trên kia, Phần I, Ch. iv. Ni-tát-kỳ 26, thay thất-thủ-ma-la bằng cá ma-kiệt

1649. Tư-ha-tỳ-la 私呵毘羅. Truyện đã kể trên, xem Phần I, Ch.iv. Ni-tát-kỳ 26. Trong đó, là người lái buôn tên Tư-ha tỳ-la-trà.

1650. Hắc thạch mật 黑石蜜; đường chưa tinh luyện. Pali: gula. Phân biệt với thạch mật, tức mật đường. Pali: phāmita.

1651. Thiên bức luân tướng 千輻輪相.

trước, Đẳng chánh giác.

Bấy giờ, Tư-ha vâng lời đem đường cát đen còn dư đổ chỗ nước không trùng. Nước liền tuôn khói và phát lên âm thanh, như cây sắt nóng đỏ bỏ vào trong nước, âm thanh chấn động. Đường cát đen dư này bỏ vào trong nước, nước sôi, cũng phát ra âm thanh như vậy. Tư-ha thấy vậy hoảng sợ, lông trong người dựng ngược, đến chỗ Đức Phật, đánh lễ sát chân Ngài, rồi lui qua ngồi một bên, đem nhân duyên này bạch lên Đức Phật. Đức Thế Tôn biết Tư-ha ôm lòng hoảng sợ, lông trong người dựng ngược, nên phương tiện nói các pháp, khai hóa, khiến được hoan hỷ. Liền từ chỗ ngồi, Tư-ha lia trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đặc pháp, đặng tăng thượng quả, liền bạch Đức Thế Tôn:

- Kính bạch Đại đức, con xin quy y Phật, Pháp, Tăng làm người ưu-bà-tắc. Từ nay về sau con không sát sinh cho đến không uống rượu. Tư-ha nghe Đức Phật nói pháp sinh đại hoan hỷ, đánh lễ Đức Phật rồi cáo lui.

Bấy giờ, Tỳ-kheo khát thực thấy bạch y khi làm đường cát đen, có bỏ kế-ny.¹⁶⁵² Các Tỳ-kheo sinh nghi không dám ăn quá ngộ, nên bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Phương pháp làm như vậy. Cho phép ăn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo khát thực nhận được đường cát dẻo,¹⁶⁵³ nên bạch Phật. Đức Phật cho phép ăn. Nhận được nước đường,¹⁶⁵⁴ Phật cho phép uống. Nhận được thứ mật đường đặc,¹⁶⁵⁵ Phật cho phép ăn. Nhận được đường cát trắng,¹⁶⁵⁶ Phật cho phép dùng; nhận được ô-bà-đà-phả-ni,¹⁶⁵⁷ Đức Phật cho phép dùng. Nhận được nước hòa với nước mía, Đức Phật cho phép uống. Nhận được nước mía, Đức Phật cho phép uống. Nếu là các loại nước uống không làm người say, cho phép uống vào lúc phi thời. Nếu là loại nước uống làm người say, không được uống. Nếu uống thì sẽ như pháp trị. Nhận được mía, Đức Phật cho phép ăn.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn du hành trong nhân gian từ nước Ma-kiệt-đề đến thành Vương-xá. Tất-lăng-già-bà-ta¹⁶⁵⁸ được nhiều người biết,

1652. Kế-ny 尼; có lẽ Pali: Kinma (Skt. kinva), bột lên men, hay men. Hoặc. Skt. knāra (Pali: chārika), tro, xem cht. >> trên. Cf. Vin.i. 210: người ta bỏ bột và tro vào trong mật đường (gule pinmhampi chārikampi pakkhipanti)

1653. Nhuyễn hắc thạch mật, đường mía ở dạng lỏng.

1654. Hắc thạch mật tương 黑石蜜漿. Nước đường, tức mật đường pha với nước. Pali (Vin.i. 226): gulodaka.

1655. Ma xan trí 磨餐緻.

1656. Bạch thạch mật 白石蜜.

1657. Ô-bà-đà-phả-ni 烏婆陀頗尼.

1658. Tất-lăng-già-bà-ta 畢陵伽婆蹉. Truyện kể, xem Phần I, Ch. iv. Ni-tát-kỳ 26 & 86.

có nhiều đồ chúng, nhận được nhiều tô, du, mật, sinh tô, thạch mật đem cho đồ chúng. Đồ chúng tập trung tích trữ, các đồ chứa đựng đều đầy hết. Bồn lớn, bồn nhỏ, chõ lớn, đũa đựng lạc, đũa lọc, treo trên vách, trên móc long nha, trên trụ, hoặc dưới gian nhà, chảy xuống ướn, làm cho phòng nhà hôi thúi.

Bấy giờ, nhiều cư sĩ đến thăm Tăng-già-lam, thấy các phòng xá của đồ chúng Tất-lăng-già-bà-ta dồn chứa nhiều đồ ăn thức uống, các loại thuốc, cùng ngủ chung với chúng ở trong phòng, hôi thúi bất tịnh, tất cả đều cơ hiểm nói: Sa-môn Thích tử mà còn nhiều ham muốn, không biết nhàm chán, tự xưng là mình biết chánh pháp. Như vậy có gì là chánh Pháp? Cứ xem họ dồn chứa các thứ đồ ăn thức uống, các loại thuốc nhiều như vậy đâu khác gì kho chứa của vua Bình-sa?

Các Tỳ-kheo nghe, trong đó có vị thiếu dục tri túc, sống khổ hạnh, biết hổ thẹn, ưa học giới, hiểm trách Tất-lăng-già-bà-ta rằng, - Sao dồn chứa nhiều đồ ăn thức uống, nhiều thứ thuốc ở trong phòng và cùng ngủ chung với chúng, hôi thúi bất tịnh như vậy? Bấy giờ, các Tỳ-kheo bạch Phật. Phật dùng nhân duyên này tập hợp Tăng Tỳ-kheo, ha trách đồ chúng của Tất-lăng-già-bà-ta:

- Các ông làm điều sai quấy, chẳng phải oai nghi, chẳng phải pháp Sa-môn, chẳng phải tịnh hạnh, chẳng phải hạnh tùy thuận, làm điều không nên làm. Tại sao dồn chứa nhiều đồ ăn thức uống, nhiều loại thuốc ở trong phòng và cùng ngủ với chúng, hôi thúi bất tịnh như vậy?

Dùng vô số phương tiện ha trách rồi, Đức Phật bảo các Tỳ-kheo:

- Từ nay về sau, nếu có Tỳ-kheo bệnh nào cần tô, du, mật, sinh tô, hắc thạch mật, được phép dùng đến bảy ngày. Nếu quá hạn còn dùng thì sẽ như pháp trị.¹⁶⁵⁹

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ thành Vương-xá du hành trong nhân gian (điều này như trên, không khác với giới lần lượt ăn, nên không chép ra).

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị bệnh hoạn phong, cần thuốc. Thầy thuốc bảo ngâm nước lúa mạch,¹⁶⁶⁰ Đức Phật cho phép uống. Trường hợp cần dầu ngâm với nước lúa mạch; cần phả-ny¹⁶⁶¹ ngâm với nước lúa mạch, Đức Phật cho phép dùng. Có trường hợp thuốc đúng thời hòa¹⁶⁶² với

1659. Tỳ-kheo, ni-tát-kỳ 26.

1660. Xem đoạn trên.

1661. Phả-ny 頗尼.

1662. Thời dược 時藥, chỉ thực phẩm chính, ngũ cốc và cá, thịt, không được trữ dùng sau đứng bóng.

thuốc đúng thời; thuốc phi thời^{166>} hòa với thuốc đúng thời; thuốc bảy ngày¹⁶⁶⁴ hòa với thuốc đúng thời; thuốc trọn đời¹⁶⁶⁵ hòa với thời được thì nên thọ như thuốc đúng thời. Hoặc thuốc phi thời hòa với thuốc phi thời; thuốc bảy ngày hòa với thuốc phi thời; thuốc trọn đời hòa với thuốc phi thời, thì nên thọ như thuốc phi thời.

Hoặc thuốc bảy ngày hòa với thuốc bảy ngày; thuốc trọn đời hòa với thuốc bảy ngày, thì nên thọ như thuốc bảy ngày.

Hay thuốc trọn đời hòa với thuốc trọn đời, thì thọ như thuốc trọn đời.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị mụn nhọt, cần thuốc để thoa; dùng cái

soong để sao thuốc. Bạch Phật. Phật cho phép dùng. Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị giộp,¹⁶⁶⁶ thầy thuốc bảo dùng mỡ người để trị. Đức Phật cho phép dùng. Lúc ấy có Tỳ-kheo bị ói mửa, cần tóc mềm mịn. Đức Phật dạy cho phép đốt lấy tro hòa với nước, lọc rồi uống.

Bấy giờ có Tỳ-kheo tự mình đến bãi tha ma, lấy tóc người, lấy mỡ người đem về, các cư sĩ thấy đều ghét tởm, cho là xấu, là bần tiện. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép lấy lúc vắng người.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo thân bị bệnh nhiệt, thầy thuốc bảo dùng chiêm-đàn sẽ lành bệnh. Tỳ-kheo bạch Phật, Đức Phật cho phép dùng. Nếu là trầm thủy hay chiêm-đàn tất-lăng-kỳ-già-la-nậu-bà-la,¹⁶⁶⁷ Phật cho phép dùng để thoa thân.

Bấy giờ, các phòng Tỳ-kheo bị rắn vào. Tỳ-kheo chưa ly dục sợ hãi. Phật cho phép đuổi nó, hoặc dùng ống đồng đựng nó, hoặc lấy dây cột nó rồi mang đi vất. Vị kia không mở dây khi đặt xuống đất để thả, nên rắn bị chết. Đức Phật dạy:

- Không nên không mở dây khi thả.

Bấy giờ, phòng các Tỳ-kheo bị chuột vào. Tỳ-kheo chưa ly dục đều sợ hãi. Đức Phật dạy:

- Nên đuổi nó chạy ra ngoài. Hoặc dùng bẫy để bắt rồi đem thả đi.

166>. Phi thời được 非時藥, được trừ dùng sau Ngọ. Tứ phần, gồm 5 thứ: tô, du, mật, sinh tô, hắc thạch mật. Ngũ phần và Thập tụng, chỉ có 4, bỏ sinh tô.

1664. Thất nhật được 七日藥; thuốc chỉ được phép trừ dùng trong vòng bảy ngày.

1665. Tận hình thọ được 盡形壽藥; thuốc trừ dùng cho đến hết đời.

1666. Hoạn pháo 患庖. Bong da, giộp da.

1667. Chiêm-đàn tất-lăng-kỳ-già-la-nậu-bà-la 梅檀畢陵祇伽羅(少/兔) 婆羅. Cf. Được sự > (tr.10a): “bệnh nhiệt rất nặng, dùng ngưu đầu chiêm đàn (Skt. gośoinga-candana) thoa vào mình.”

Vị kia để trong bầy đem bỏ luôn cả bầy. Chuột ở trong bầy chết.

Đức Phật dạy:

- Khi thả, không được không mở bầy ra.

Bấy giờ, phòng các Tỳ-kheo bị bò cạp, rít, sâu vào. Các Tỳ-kheo chưa ly dục sợ hãi. Đức Phật dạy: Dùng vật gì xấu hay cục bùn, hay lấy đồ quét, túm nó đem bỏ đi. Khi bỏ, không mở ra nên bị chết, Phật dạy:

- Khi bỏ, không được không mở ra.

Bấy giờ, Đức Phật ở tại thành Vương-xá. Các Tỳ-kheo phá nhà tắm. Có con rắn trong bông cây chạy ra, cắn thầy Tỳ-kheo chết. Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ niệm bảo các Tỳ-kheo:

Vị Tỳ-kheo kia không sinh từ tâm đối với vua của rắn là tám vị Long vương nên bị rắn cắn chết. Tám Long vương¹⁶⁶⁸ là Tỳ-lâu-lặc-xoa Long vương, Già-ninh, Cù-đàm-minh, Thí-bà-di-đa-la, Đa-xà-y-la-bà-ny, Già-tỳ-la-thấp-ba-la, Đề-đâu-loại-thác Long vương. Nếu Tỳ-kheo từ tâm đối với tám rắn Long vương thì không bị rắn cắn chết. Nếu Tỳ-kheo này, có từ tâm đối với tất cả chúng sinh thì cũng không bị rắn kia cắn chết.

Đức Phật cho phép làm bài chú tự bảo hộ niệm từ:

- Tỳ-lâu-lặc-xoa-từ, Già-ninh từ, Cù-đàm-minh từ, Thí-bà-di-đa-la từ, Đa-xà-y-la-bà-ny từ, Già-tỳ-la-thấp-ba-la từ, Đề-đâu-lại-thác từ. Từ niệm chư Long vương, kiên-thát-bà, la-sát-sa. Nay tôi tác từ tâm trừ diệt các độc ác, từ đây được bình phục, đoạn độc, diệt độc, trừ độc. Nam mô Bà-già-bà.¹⁶⁶⁹

Đức Phật cho phép dùng dao mổ ra máu rồi dùng thuốc thoa, cũng cho phép chữa con dao nhọn.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị bệnh độc,¹⁶⁷⁰ thầy thuốc bảo uống hủ lạn được.¹⁶⁷¹ Nếu hủ lạn được này đã rơi xuống đất¹⁶⁷² thì nên lấy đồ đựng đầy nước hòa với thuốc, lọc rồi thọ, sau đó mới uống. Nếu thuốc chưa rơi xuống đất, thì lấy đồ đựng đầy nước hòa với thuốc, lọc rồi uống chứ

1668. Tám Long vương: Tỳ-lâu-lặc-xoa 毘樓勒叉, (Pali: Virūhaka, Skt. Virūhaka) Già-ninh 伽寧, Cù-đàm-minh 瞿曇冥, Thí-bà-di-đa-la 施婆彌多羅, Đa-xà-y-la-bà-ny 多奢伊羅婆尼, Già-tỳ-la-thấp-ba-la 伽毘羅濕波羅, Đề-đâu-lại-thác 提頭賴託, (Pali: Dhatarandha, Skt. Dhatarāndra). Vi#. ii. 110, bốn gia tộc của vua rắn (cattāri ahirājakulāni): Virūpakka (Tỳ-lâu-lặc-xoa), Erāpatha (Y-la-bà-ni), Chabyāputta (Già-tỳ-la-thấp-ba-la), Kanhāgotamaka (? Hắc Cù-đàm).

1669. Tham chiếu, Vin.ii. đã dẫn

1670. Bệnh độc 病毒; có lẽ ngộ độc. Cf. Vin.i. 206, tỳ-kheo uống nhầm chất độc (visam pītam hoti), Phật dạy, cho uống phân bò (gūtham pāyetum) hòa với nước.

1671. Hủ lạn được 腐爛藥. Đây chỉ lấy nước tiểu trâu bò làm thuốc.

1672. Nghĩa là, trâu bò đã tiểu xuống đất. Chứ không phải hứng, khi chúng đang tiểu.

khỏi phải thọ.

Bấy giờ, cũng có Tỳ-kheo bị bệnh độc, thầy thuốc bảo uống bùn ở trong ruộng. Đức Phật cho phép dùng đồ đựng đầy nước hòa với bùn và lọc, sau đó thọ rồi mới uống.

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá. Bấy giờ Kỳ-bà Đồng tử dùng dao chữa chỗ đại tiểu tiện, và dưới hai nách của Tỳ-kheo bệnh. Lúc ấy Đức Thế Tôn vì từ niệm, bảo các Tỳ-kheo:

- Kỳ-bà Đồng tử này dùng dao chữa chỗ đại tiểu tiện, và dưới hai nách cho Tỳ-kheo bệnh. Người bệnh không được dùng dao chữa như vậy. Tại sao? Vì dao bén, nên nơi bị mổ ăn sâu vào trong thịt. Từ nay về sau, cho phép dùng dây gân hay dây bằng lông cột thắt lại hoặc lấy móng tay ngắt cho đứt da, sau đó mới sức thuốc. Đức Phật dạy tiếp:

- Cho phép làm thuốc bằng tro. Nếu tay cầm không bảo đảm, Phật cho phép làm đồ đựng thuốc tro. Nếu đồ đựng dễ vỡ, cho phép làm bằng xương.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn bị chứng thống phong, thầy thuốc bảo hòa ba loại thuốc để uống, nên kêu A-nan lấy ba thứ thuốc để hòa, mang ra. Bấy giờ, A-nan vâng lời Phật, tự hòa ba thứ thuốc lại nấu với nhau, rồi đem dâng cho Phật. Lúc ấy Đức Thế Tôn biết mà cố ý hỏi A-nan:

- Ai nấu thuốc này?

A-nan thưa:

- Con tự nấu.

Đức Phật bảo A-nan:

- Không được tự nấu. Nếu tự nấu, sẽ như pháp trị.

3. Tịnh trụ

Thế Tôn ở tại thành Vương-xá cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tăng Tỳ-kheo du hành trong nhân gian. Bấy giờ, gặp lúc mất mùa lúa gạo khan hiếm, nhân dân đói khổ, khát thực khó được. Có sáu trăm chiếc xe chở đầy đồ ăn thức uống đi theo Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn khi ấy, từ nước Bà-xà du hành trong nhân gian đến Tỳ-xá-ly. Lúc ấy các tịnh nhân sửa soạn đầy đủ các thức ăn thanh tịnh. Họ lớn tiếng cao giọng, hoặc kêu người bảo dùng nắp đầy đồ chứa vật này, đồ chứa vật kia. Đức Thế Tôn biết mà vẫn cố ý hỏi tôn giả A-nan:

- Tại sao các Tỳ-kheo kêu la lớn tiếng như bọn người chài cá

ậy? Tôn giả A-nan bạch Phật:

- Các tịnh nhân sửa soạn các thức ăn thanh tịnh nên lớn tiếng cao giọng, hoặc bảo đầy nắp đồ chứa vật này, đồ chứa vật kia, cho nên lớn

tiếng như vậy.

Đức Phật bảo tôn giả A-nan:

- Không được trong cương giới, cùng ngủ với thức ăn, cùng nấu đồ ăn để ăn. Nếu ăn thì sẽ như pháp trị.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo đem đồ ăn thức uống để nơi đất trống, tích trữ không bảo đảm, khiến trẻ chăn bò chăn dê, hoặc kẻ trộm cướp lấy đi. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Nên kết nhà tịnh trừ nơi chỗ đất vắng, hay ở bên phòng.

4. Tịnh nhục

Thế Tôn ở tại Tỳ-xá-ly. Bấy giờ có tướng quân Tư-ha^{167>} là đệ tử của Ni-kiền. Tại công đường,¹⁶⁷⁴ có năm trăm Lê-xa ngồi ăn, họ dùng vô số phương tiện khen ngợi Phật, Pháp, Tăng. Bấy giờ, tướng quân Tư-ha tại chỗ ngồi nghe vô số phương tiện khen ngợi Phật, Pháp, Tăng nên sinh lòng tin ưa, muốn đến yết kiến Đức Phật. Ông ta nghĩ như vậy: Nay ta hãy đến thưa với thầy Ni-kiền để đến chỗ Cù-Đàm. Bấy giờ, Tư-ha liền đến thưa với Ni-kiền:

- Tôi muốn đến chỗ Sa-môn Cù-đàm.

Ni-kiền nói:

- Ông chủ trương nên làm.¹⁶⁷⁵ Cù-đàm giáo hóa đệ tử bằng thuyết không nên làm. Thôi, đừng nên đến đó.

Bấy giờ, tướng quân Tư-ha rút lại ý định đi gặp Phật trước đó. Các Lê-xa lần thứ nhì, lần thứ ba cũng khen ngợi Phật, Pháp, Tăng như vậy. Tướng quân Tư-ha khi nghe lần thứ hai, lần thứ ba sự khen ngợi như vậy, khởi ý nghĩ như vậy: Nay ta hãy đi gặp Cù-đàm, khởi phải từ giã thầy Ni-kiền. Xem Thầy sẽ làm gì được ta? Bấy giờ, Tư-ha liền đến chỗ Phật, đánh lễ sát chân rồi ngồi lui qua một bên. Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói pháp, khai hóa, khiến được hoan hỷ. Tư-ha nghe Phật phương tiện nói pháp tâm sinh đại hoan hỷ bạch Phật:

- Tôi nghe nói Cù-đàm giáo hóa các đệ tử bằng thuyết không nên làm. Các Sa-môn đồn như vậy, có đúng sự thật, có đúng như pháp chăng?

Đức Phật nói với Tư-ha:

167>. Tư-ha tướng quân 私呵將軍. Pali, Vin.i. 2>>, Sīhasenapati; vị tướng quân người Licchavī (Lê-xa), ở Vesālī; đệ tử của Niganmha (Ni-kiền). Xem Trung A-hàm 4, kinh số 18 “Sư Tử” (Tl, tr.440c); Pali, A.viii.12 Sīha

1674. Đoán sự đường 斷事堂, chỗ xử án, xử lý việc công.

1675. Nguyên Hán: tác pháp 作法. Tham chiếu. Trung A-hàm 4 (T01n26 tr.441a01): “Sa-môn Cù-đàm chủ trương bất khả tác 不可作.” Cf. Vin.i. 2>>: akiriyavādam samanam gotamam, Sa-môn Cù-đàm chủ trương “Không được làm.”

- Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa các đệ tử bằng thuyết không nên làm; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa các đệ tử bằng thuyết hãy nên làm; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa các đệ tử bằng pháp đoạn diệt;¹⁶⁷⁶ lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử bằng pháp ấ ác;¹⁶⁷⁷ lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử bằng pháp điều phục;¹⁶⁷⁸ lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử, đó là thuật ngữ bằng pháp diệt ám;¹⁶⁷⁹ lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử rằng “Sự sinh của ta đã dứt; không còn tái sinh nữa”¹⁶⁸⁰; lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp. Có nhân duyên phương tiện để nói rằng, Ta giáo hóa đệ tử rằng, Ta đã đến chỗ vô úy, thuyết vô úy pháp;¹⁶⁸¹ lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp.

Đức Phật nói với Tư-ha:

- Vì sao Ta nói “Không nên làm” cho đến “Chỗ vô úy” để giáo hóa đệ tử, rằng lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp?
- Ta nói “Không nên làm”, là không nên làm ba pháp ác bất thiện: thân làm ác, miệng nói ác, tâm nghĩ ác.
- Ta nói “Nên làm”, là nên làm ba pháp thiện.
- Ta nói “Pháp đoạn diệt”, là đoạn diệt tham dục, sân nhuế, ngu si.
- Ta nói “Pháp ấ ác” là kinh tởm pháp bất thiện do bởi nghiệp thân, khẩu, ý.
- Ta nói “Pháp điều phục” là điều phục tham dục, sân nhuế, ngu si.
- i. - Ta nói “Diệt ám” là diệt các pháp tối tăm ác, bất thiện.
- Ta nói “Sự sinh của ta đã dứt” là nói sự thọ sinh của Ta đã dứt tuyệt, không còn bào thai, và lại giáo hóa cho con người cắt đứt sinh

1676. Đoạn diệt pháp 斷滅法. Pali: ucchedavādo samaṇo gotamo, Sa-môn Gotama chủ trương đoạn diệt (hư vô luận).

1677. ấ ác pháp 穢惡法. Pali: jegucchī, chủ trương khổ hạnh kinh tởm.

1678. Điều phục pháp 調伏法. Pali: venayika, chủ trương tự chế ngự, khắc kỷ.

1679. Diệt ám pháp 滅闇法. Pali: tapassī, chủ trương nhiệt hạnh (khổ hạnh). Bản Hán hiểu là tamo (bóng tối) thay vì tapo (sức nóng).

1680. Đoạn dưới nói rõ: Không nhập thai nữa. Pali: apagabbo, chủ trương không nhập thai (không tái sinh).

1681. Vô úy pháp 無畏法. Pali: assattha, sự tĩnh chỉ, vô tức pháp.

tử.

- Ta nói “Đến chỗ vô úy” là tự mình không có sự sợ sệt, lại an ủi chúng sinh.

- Này Tư-ha! Đó là, có nhân duyên để nói rằng, Ta giáo hóa các đệ tử bằng thuyết “không nên làm”; “Đến chỗ vô úy”, lời nói ấy đúng sự thật, đúng như pháp.

Tư-ha bạch Phật:

- Con xin quy y Phật, Pháp, Tăng. Từ nay về sau, con không sát sinh cho đến không uống rượu.

Đức Phật bảo Tư-ha:

- Ông hãy tự xét kỹ trước khi thọ giới. Ông là vị đại thần trong nước, mọi người đều biết, nên làm việc làm lợi ích cho mọi người. Đừng nên cử động khinh suất, rồi sau có sự ăn năn.

Tư-ha thưa:

- Khi mà con đến làm đệ tử của ngoại đạo Sa-môn, Bà-la-môn, họ liền cầm phan, xướng lệnh khiến cho người trong nước biết: “Tư-ha là đệ tử của Ni-kiền.” Nay con nghe Đức Thế Tôn ân cần dạy bảo: “Ông hãy tự xét kỹ trước khi thọ giới. Ông là vị đại thần trong nước, mọi người đều biết, nên làm, việc làm lợi ích cho mọi người. Đừng nên cử động khinh suất, rồi sau có sự ăn năn.” Điều này làm cho con càng tin tưởng sâu xa hơn.

Tư-ha lại bạch Phật:

- Bạch Đại đức! Lần thứ hai, con xin trọn đời quy y Phật, Pháp, Tăng. Không sát sinh, cho đến không uống rượu. Từ nay về sau, cửa ngõ nhà con Ni-kiền ngoại đạo không được (872a1) vào. Phật và các đệ tử Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di, ra vào cửa ngõ nhà con không có sự trở ngại.

Đức Phật nói với Tư-ha:

- Trước đây, ông như là nguồn suối ngày đêm cung cấp cho ngoại đạo Ni-kiền, nay làm sao đoạn tuyệt được?

Tư-ha lại hỏi Đức Phật:

- Con được nghe người ngoài nói: Sa-môn Cù-đàm tự nói, “Bố thí, nên bố thí cho Ta, không nên bố thí cho người khác. Bố thí cho ta sẽ được quả báo lớn. Bố thí cho người khác sẽ không được quả báo. Nên bố thí cho đệ tử của Ta. Không nên bố thí cho đệ tử người khác. Bố thí cho đệ tử của Ta sẽ được quả báo lớn. Bố thí cho đệ tử người khác sẽ không được quả báo.”

Đức Phật trả lời cho Tư-ha:

- Ta không nói như vậy, mà ta nói: Nếu người có từ tâm, chỉ đem nước vo gạo cho đến như nước cơm, đem đổ chỗ nước bất tịnh có trùng, khiến cho loài trùng kia được thọ hưởng chất này; Ta nói người kia còn có phước. Huống chi là cho con người. Ta nói, bố thí cho người trì giới được quả báo lớn hơn so với cho người phá giới.

Tư-ha bạch Phật:

- Như lời Đức Thế Tôn đã nói, như lời Đức Thế Tôn đã nói. Chúng con xin tự biết.

Rồi Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói pháp, khai hóa, khiến cho Tư-ha được hoan hỷ. Từ chỗ ngồi xa lia trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đặc pháp, đạt được quả chứng; liền bạch Phật:

- Nay, lần thứ ba, con nguyện trọn đời quy y Phật, Pháp, Tăng. Không sát sinh cho đến không uống rượu. Cúi xin Đức Thế Tôn nhận lời mời thọ thực của con vào ngày mai.

Đức Thế Tôn nhận lời bằng sự im lặng. Tư-ha biết Đức Thế Tôn hứa khả, liền đứng dậy kính lễ sát chân Phật cáo lui.

Trong đêm ấy, Tư-ha sắm sửa đầy đủ các thứ đồ ăn thức uống ngon bổ, sáng ngày đúng giờ, đến thỉnh Phật phó trai. Đức Thế Tôn khoác y, bưng bát, cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo, đến nhà Tư-ha, trải ni-sư-đàn an tọa. Ngay lúc ấy, các Ni-kiền Tử đến chỗ ở của Lê-xa hoa tay cao lên, kêu la lớn tiếng với giọng oán giận:

- Tướng quân Tư-ha này, đã tự giết con bò lớn để thiết đãi bữa cơm cho Sa-môn Cù-đàm và các đệ tử. Biết thí chủ vì mình giết mà vẫn cố ăn!

Lúc ấy, có người đến chỗ Tư-ha nói cho biết:

- Hiện có các Ni-kiền Tử đến trú xứ của Lê-xa, đưa tay cao lên, lớn tiếng kêu gào, oán hận, nói: “Tướng quân Tư-ha, tự giết bò thiết đãi bữa ăn cho Sa-môn Cù-đàm và các Tăng Tỳ-kheo.”

Tư-ha nghe rồi nói:

- Những người đó là ngày đêm thường xuyên coi Phật và Tăng Tỳ-kheo là oan gia. Ta không bao giờ vì mạng của ta mà cố ý đoạn mạng chúng sinh. Bấy giờ, tướng quân Tư-ha dùng các đồ ăn thức uống ngon bổ dâng lên. Bữa ăn của Đức Phật và Tăng Tỳ-kheo đã xong, bình bát được thu dọn, ông lấy chiếc ghế nhỏ ngồi qua một bên, Đức Phật vì ông mà phương tiện nói pháp, khai hóa, khiến cho Tư-ha được hoan hỷ. Vì ông nói pháp xong, rời chỗ ngồi ra về.

Khi về đến Tăng-già-lam, vì nhân duyên này, Đức Phật tập hợp Tăng Tỳ-kheo, bảo:

- Từ nay về sau, nếu có thí chủ vì mình cố ý giết thì không được ăn. Vì mình cố ý giết ở đây là cố ý thấy, cố ý nghe, cố ý nghi. Có ba nhân duyên như vậy là thịt bất tịnh, Ta nói không được ăn. Nếu thấy vì ta mà cố ý giết, hoặc nghe từ người đáng tin nói, vì ta mà cố ý giết, hoặc thấy trong nhà có đầu, có da, có lông, có máu, có chân, và người này có khả năng làm mười điều ác, thường là người sát hại, có thể vì ta mà cố ý giết. Ba nhân duyên như vậy gọi là thịt không thanh tịnh, không được ăn. Có ba loại thịt tịnh nên ăn: Không cố ý thấy, không cố ý nghe, không cố ý nghi. Nếu không thấy vì ta mà giết, không nghe vì ta mà giết, hoặc không thấy trong nhà có đầu, chân, da, lông máu, và người kia không phải là người giết hại, cho đến thọ trì mười điều thiện, người kia không bao giờ vì ta mà đoạn mạng chúng sinh. Ba thứ thịt như vậy gọi là tịnh, được ăn. Nếu là thịt làm ở nơi thờ tự thì không được ăn. Tại sao vậy? Người kia với dụng ý làm để đem đến cúng tế. Cho nên không được ăn, nếu ăn sẽ như pháp trị.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo du hành trong nhân gian. Từ Tỳ-xá-ly, đến Tô-di; từ Tô-di đến ở thành Bạt-đề.¹⁶⁸² Bấy giờ, ở thành Bạt-đề có đại cư sĩ tự Mân-trà,¹⁶⁸³ là đệ tử của Bất-lan Ca-diếp,¹⁶⁸⁴ giàu có rất nhiều của báu, nhiều voi ngựa xe cộ, nô tỳ, người ăn kẻ ở, kho lẫm nhầy đầy, có đại oai lực, tùy theo ý muốn, chu cấp người vật. Khi người cư sĩ này vào kho, thì như lỗ trục của bánh xe, lúa thóc tự nhiên tuôn ra mãi, cho đến khi nào cư sĩ ra khỏi kho. Người vợ của cư sĩ cũng có phước lực như vậy. Dùng tám đấu gạo nấu cơm cung cấp cho cả bốn binh chủng; và người bốn phương đến xin đều cho họ ăn đầy đủ, không khi nào hết, cho đến khi nào đứng dậy đi. Người con cũng có phước lực như vậy. Dùng cái dây đựng đầy một ngàn lượng vàng, cho cả bốn binh chủng và người bốn phương đến xin theo ý muốn của họ đều được đầy đủ, không bao giờ hết, cho đến khi nào đứng dậy đi. Vợ con của cư sĩ cũng đều có phước lực như vậy. Họ dùng một gói hương thoa cho bốn binh chủng và người bốn phương đến xin, một cách đầy đủ theo ý muốn, không bao giờ hết, cho đến khi nào đứng dậy đi. Tôi tớ trai của cư sĩ cũng có phước lực như vậy. Dùng một cái cày, cày bảy khu đất gò. Đưa tớ gái cũng có phước lực như vậy. Dùng tám đấu thóc mà cho binh bốn bộ ăn không hết. Trong gia đình ấy, người

1682. Bạt-đề 跋提. Pali: Bhaddiya, thành phố thuộc vương quốc Anga (Ương-già).

1683. Mân-trà 旻荼. Pali, Vin.i. 240, Menmaka, phú hộ ở Bhaddiya, vương quốc Anga; là ông nội của bà Visakhā; là một trong 5 Đại thần Quốc khố của Vua Bimbisira. Không thấy nói ông là đệ tử của Pūrāna-Kassapa (Bất-lan Ca-diệp). Nhưng có một người đầy tớ tên Puuna.

1684. Bất-lan Ca-diệp 不蘭迦葉. Pali: Pūrāna-Kassapa, một trong sáu tông sư ngoại đạo.

nào cũng tranh nói đó là phước lực của mình.

Bấy giờ, cư sĩ Mân-trà nghe Đức Phật từ Tô-di du hành trong nhân gian đến thành Bạt-đề. Cư sĩ nghĩ như vậy: Nay ta đến xin phép thầy Bất-lan Ca-diếp để đến chỗ Sa-môn Cù-đàm. Nghĩ như vậy rồi, đến chỗ vị thầy thưa:

- Bạch Đại sư, con nghe Phật từ Tô-di, du hành trong nhân gian đến thành Bạt-đề. Nay con muốn đến đó để gặp Sa-môn Cù-đàm.

Bất-lan Ca-diếp nói với cư sĩ:

- Cư sĩ, Ông có đại thần lực, tự tại theo ý, không nên đến gặp Sa-môn Cù-đàm, mà Sa-môn Cù-đàm phải đến yết kiến ông. Theo pháp là như vậy. Người xuất gia nên đến thăm hỏi người bạch y.

Vị cư sĩ nghĩ như vậy: Chưa từng có Sa-môn nào là cái gai đối với Sa-môn khác. Ta cần gì phải xin phép Bất-lan Ca-diếp? Không từ biệt mà đi, Bất-lan Ca-diếp có thể làm gì ta được? Ta cứ đến gặp Cù-đàm.

Cư sĩ Mân-trà đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi đứng lui qua một bên. Đức Thế Tôn vì ông dùng nhiều phương tiện nói pháp, khai hóa, khiến cho cư sĩ được hoan hỷ. Bấy giờ, Mân-trà nghe Phật nói pháp, sinh tâm vui mừng lớn, liền bạch Phật:

- Con là cư sĩ ở thành Bạt-đề, đệ tử của Bất-lan Ca-diếp.

Ông đem đầy đủ tất cả việc phước lực gia nghiệp của mình bạch lên Đức Thế Tôn và hỏi:

- Trong nhà của con, mọi người đều tranh nhau bảo đó là phước lực của mình. Vậy xin Đức Thế Tôn vì con mà cho biết đó là phước lực của ai?

Đức Phật bảo cư sĩ Mân-trà:

- Thuở quá khứ, tại nước Ba-la-nại, ông là một cư sĩ giàu có, nhiều của cải, kho chứa đầy nhầy. Vợ con, tớ trai, tớ gái của ông bấy giờ, cũng là vợ con, tớ trai, tớ gái của ông hiện nay. Cư sĩ, bấy giờ là lúc lúa gạo khan hiếm, nhân dân đói khát, khát cầu khó được. Một hôm nọ, trong nhà cư sĩ đang ngồi ăn thì có một vị Phật-bích-chi tên là Đa-ha-lâu-chi¹⁶⁸⁵ vào khát thực. Cư sĩ nói: “Các người cứ ăn đi, để tôi đem phần ăn của tôi cúng dường vị Tiên nhân này.” Vợ của ông lại nói như vậy: “Anh cứ ăn đi, để em đem phần ăn của em cúng cho vị tiên nhân này.” Tớ trai, tớ gái của ông cũng đều nói như vậy: “Xin các đại gia cứ ăn đi để tụi con đem phần ăn của tụi con hiến cúng cho vị Tiên nhân này.” Tất cả mọi người đều muốn đem phần ăn của mình cúng cho vị Phật-bích-chi thôi. Cư sĩ biết không? Vì nhân duyên quả báo như vậy nên

1685. Đa-ha-lâu-chi 多呵樓支. Theo truyện kể DhA.iii.>6>, Phật hiệu Vipassī (Tỳ-bà-thi).

ngày nay mọi người đều chung có phước lực như vậy.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện vì ông mà nói pháp, khai hóa, khiến sinh hoan hỷ, từ nơi chỗ ngồi xa lìa trâu cẩu, đứng con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đặc pháp, thành tựu quả chứng, và bạch Phật:

- Từ nay về sau, trọn đời con xin quy y Phật, Pháp, Tăng, làm người ưu-bà-tắc. Không sát sinh cho đến không uống rượu. Cúi xin Đức Thế Tôn nhận lời thỉnh mời của con, bảy ngày ở lại thành Bạt-đề.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn im lặng nhận lời. Khi cư sĩ Mân-trà biết Đức Thế Tôn và Tăng Tỳ-kheo đã chấp nhận lời mời bằng cách im lặng rồi, liền chuẩn bị đầy đủ các thức ăn đủ mùi vị để cúng dường bảy ngày cho Phật và Tăng Tỳ-kheo trong thành Bạt-đề.

Sau khi qua bảy ngày thọ thỉnh, Thế Tôn đi qua vùng hoang mạc. Bấy giờ, Mân-trà cư sĩ sai người dùng một ngàn hai trăm năm mươi con bò cái, và dùng voi chở đầy các thức ăn để cúng dường Phật và Tăng Tỳ-kheo theo lộ trình trên.

Đức Thế Tôn sau khi nhận sự cúng dường bảy ngày xong, liền đến vùng hoang mạc. Trên đường đi, các Tỳ-kheo thấy có người vắt sữa bò cho con bò ghé uống. Rồi lại vắt. Từ miệng con bò ghé chảy ra một thứ nước bọt giống như sữa.¹⁶⁸⁶ Do đây mà các Tỳ-kheo sau đó không dám uống sữa, nên bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Phương pháp vắt sữa là như vậy. Cho phép uống.

Sữa bò cho ra năm loại: sữa tươi, sữa đông, sữa bơ, bơ, bơ trong¹⁶⁸⁷.

Qua khỏi hoang mạc rồi thức ăn vẫn còn dư. Sứ giả kia khởi ý nghĩ như vậy: “Cư sĩ Mân-trà giàu có, nhiều tài bảo, nên làm các thức ăn này để các Tỳ-kheo dùng dọc đường. Nay ta nên đem hết đồ ăn thức uống này cúng cho các Tỳ-kheo.” Nghĩ xong, sứ giả liền đem đồ ăn thức uống cúng cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không nhận vì bảo Đức Phật chưa cho phép nhận lương thực dọc đường. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Từ nay về sau, cho phép nghĩ là thức ăn của đàn-việt để nhận, rồi khiến tịnh nhân cất giữ, chứ không được tự thọ nhận. Khi nào cần thì tùy ý xử dụng.

1686. Như đoạn trên. Xem tr. 1>.

1687. Như 乳, lạc 酪, sinh tô 生酥, thực tô 熟酥, đề hồ 醍醐. Pali: Khīra, sữa tươi; dadhi, sữa đông, sữa chua; takka, sữa bơ, bơ lỏng với ¼ nước, do đun dadhi rồi quậy; navaṇṇa, bơ tươi hay bơ sống, chế biến từ takka; sappi, bơ lỏng hay bơ trong, do đun bơ sống lên, thành chất dầu ăn..

5. Tám thứ nước

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ nước A-mâu-đa-la,¹⁶⁸⁸ du hành nhân gian đến thành A-ma-na¹⁶⁸⁹ trú trong vườn của Bà-la-môn bện tóc Sí-nậu.¹⁶⁹⁰ Lúc ấy, Bà-la-môn bện tóc Sí-nậu nghe Sa-môn Cù-đàm xuất gia từ dòng họ Thích, từ nước A-mâu-đa-la đến thành A-ma-na, trú trong vườn của ta. Vị kia khởi ý nghĩ như vậy: Sa-môn Cù-đàm có đại danh xưng, gọi là Như lai, Vô sở trước, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn. Lành thay, nay ta nên đến yết kiến con người Vô trước như vậy. Bấy giờ, Bà-la-môn bện tóc đến chỗ Đức Thế Tôn, cung kính hỏi chào rồi, lui qua một bên mà ngồi. Đức Phật vì ông dùng vô số phương tiện nói pháp, khai hóa, khiến sinh hoan hỷ. Khi Bà-la-môn nghe Phật nói pháp rất hoan hỷ rồi, bạch Phật:

- Cúi xin Phật và Tăng Tỳ-kheo nhận lời thỉnh mời thọ thực của con vào sáng mai.

Đức Phật nói:

- Hiện tại Tăng Tỳ-kheo đông, mà ông là người tin ngoại đạo.

Bà-la-môn thưa:

- Dù chúng Tăng hiện nay đông, con tuy là người tin theo ngoại đạo, nhưng cũng xin Ngài và chúng Tăng nhận lời thỉnh mời thọ thực của con vào sáng mai.

Tuy Đức Thế Tôn nói đi nói lại ba lần, nhưng Bà-la-môn cũng lại ba lần thưa Đức Thế Tôn như vậy. Đức Thế Tôn bấy giờ im lặng nhận lời thỉnh. Bà-la-môn biết Đức Phật đã nhận lời rồi, liền từ chỗ ngồi đứng dậy đi về nhà, và nói với thân quyến:

- Sáng mai tôi thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo thọ thực, các người nên tiếp tay với tôi trong việc cúng dường này.

Những người trong thân quyến nghe nói đều hoan hỷ. Kẻ thì bửa củi, người thì nấu cơm, người khác xách nước. Bà-la-môn thì tự trang hoàng nhà cửa, trải tòa ngồi, để Phật và Tăng Tỳ-kheo sẽ ngồi.

Lúc ấy trong thành A-ma-na có Bà-la-môn Thí-lô cùng ở với năm trăm Bà-la-môn khác, mà Sí-nậu Bà-la-môn thường cung kính tôn ngưỡng họ. Bấy giờ Bà-la-môn Thí-lô cùng năm trăm Bà-la-môn đều đến nhà của Bà-la-môn Sí-nậu. Theo phép thường ngày của Bà-la-môn

1688. A-mâu-na 阿牟多羅. Pali: Anguttarāpā, nước ở phía bắc sông Mahī. Đối ngạn là Anga.

1689. A-ma-na 阿牟多羅. Pali: Anguttarāpā, một thị trấn trong xứ Anguttarāpa. Từ đây, Phật đi lên Kusinārā để nhập Niết-bàn.

1690. Sứy-nậu 翹(少/兔). Pali: Janila Keniya.

Sí-nậu là mỗi khi thấy quý vị ấy đến nhà liền ra nghinh đón, mời vào nhà an tọa, nhưng nay thấy, không ra nghinh đón, cũng không mời ngồi, mà cứ lo trang hoàng nhà cửa, trải tòa ngồi tốt đẹp. Thí-lô hỏi:

- Sắp sửa cưới vợ? hay gã con gái lấy chồng? hay muốn rước Vua? hay sắp cử đại tế tự?

Người nhà trả lời:

- Nhà chúng tôi không phải sắp cưới vợ, cho đến, cũng không rước vua, mà chúng tôi muốn làm đại lễ thỉnh Phật và Tăng Tỳ-kheo gồm một ngàn hai trăm năm mươi vị. Sa-môn Cù-đàm có đại danh xưng là Như lai, Vô sở trước, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, Thế Tôn.

Thí-lô hỏi Sí-nậu:

- Thật là Phật hay chẳng?

Sí-nậu trả lời:

- Thật là Phật.

Thí-lô ba phen hỏi:

- Thật là Phật hay chẳng?

Sí-nậu cũng trả lời:

- Thật vậy.

Thí-lô hỏi:

- Phật ở đâu? Tôi muốn yết kiến.

Bấy giờ Sí-nậu đưa tay bên phải chỉ và nói:

- Ngài đang ở trong rừng tịnh kia.

Thí-lô nghĩ như vậy: Ta không được đến bằng hai tay không, mà nên có một phẩm vật gì đem đến để yết kiến Sa-môn Cù-đàm. Nghĩ xong Thí-lô liền nói: Nay có tám thứ nước mà xưa kia Tiên nhân vô dục thường uống. Đó là: nước lê, nước diêm-phù, nước táo chua, nước mía, nước quả thị, nước xá-lâu-già, nước bà-lâu-sư và nước nho.¹⁶⁹¹ Bấy giờ, Bà-la-môn Thí-lô đem tám thứ nước này đến chỗ Đức Phật, cung kính hỏi chào, rồi lui ngồi qua một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn vì ông mà phương tiện nói pháp khai hóa, khiến sinh hoan hỷ. Thí-lô nghe pháp rất hoan hỷ, liền đem tám thứ nước cúng cho Tăng Tỳ-kheo. Tỳ-kheo không dám nhận và nói: Đức Phật chưa cho phép chúng tôi nhận tám thứ nước này, Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

1691. Tám thứ nước, Pali: ambapāna, nước quả xoài; jambupāna, nước quả hồng đà o; cocapāna, nước dừa; mocapāna, nước chuối; madhūkapāna, mật; muddikapāna, nước nho; sālūkapāna, nước ngó sen phārusakapāna, không rõ.

- Cho phép dùng tám thứ nước này, nếu nó không say. Có thể uống vào lúc phi thời. Nếu say thì không được uống, uống sẽ như pháp trị. Cũng không được nhận ngày nay để ngày mai uống. Nếu để như vậy sẽ như pháp trị.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn du hành trong nhân gian. Từ trú xứ này đến Ma-la,¹⁶⁹² hướng đến thành Ba-bà. Bấy giờ các Ma-la nơi thành Ba-bà,¹⁶⁹³ nghe Đức Thế Tôn cùng một ngàn hai trăm năm mươi Tỳ-kheo du hành trong nhân gian từ Ma-la hướng đến thành Ba-bà. Họ cùng nhau đặt ra quy chế: Khi Đức Thế Tôn đến mọi người đều phải nghinh đón, nếu ai không nghinh đón sẽ bị phạt một trăm lượng vàng.

Bấy giờ, có Ma-la Tử tên là Lô-di¹⁶⁹⁴ không tin ưa đối với Phật, Pháp, Tăng. Lô-di là thân hữu của A-nan khi còn bạch y. A-nan từ xa thấy Lô-di liền nói:

- Rất hay, Lô-di! Bạn có thể tự đến nghinh đón Đức Phật.

Lô-di trả lời:

- Nầy Đại đức! Tôi không phải đến đây nghinh đón, mà vì trong thành Ma-la lập ra quy chế, ai không nghinh đón Phật sẽ bị phạt một trăm lượng vàng. Vì lí do ấy nên tôi mới có mặt ở đây, chứ chẳng phải tin ưa mà đến.

Khi Tôn giả A-nan nghe như vậy không vui, liền đến chỗ Đức Thế Tôn thưa:

- Trong thành Ma-la này, có Ma-la Tử tên Lô-di, là bạn của con khi còn bạch y. Lành thay! Đức Thế Tôn nguyện xin Ngài vì con mà giúp đỡ để bạn của con được tin ưa Phật.

Đức Phật nói với Tôn giả A-nan:

- Việc này có gì là khó! Nếu có khó cũng chẳng phải là thật khó.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn liền dùng từ tâm cảm hóa Lô-di Ma-la, khiến Lô-di tự động đến chỗ Đức Thế Tôn, như có người hướng dẫn. Như vậy là Lô-di đã đến chỗ Đức Thế Tôn, đánh lễ sát chân, rồi lui qua đứng ra một bên. Bấy giờ, Đức Thế Tôn dùng vô số phương tiện nói pháp khai hóa, khiến được hoan hỷ. Ngay lúc đó liền được viễn ly trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch, thấy pháp đặc pháp, đạt được quả chứng, bèn bạch Phật:

- Đại đức, từ nay về sau, con xin quy y Phật, Pháp, Tăng, làm

1692. Ma-la 摩羅. Pali: tên bộ tộc, và vương quốc cùng tên. Kusinārā là một thủ phủ của nước này.

1693. Ba-bà 波婆. Pali: một thị trấn của người Malla, song đôi với Kusinārā.

1694. Lô-di 盧夷. Pali: Roja; bạn thân của A-nan. Trên kia, phiên âm là Lôu-diên. Xem Ch.vi.Y, mục iii.10 & cht. 61.

người ưu-bà-tắc, không sát sinh cho đến không uống rượu. Cúi xin Đức Thế Tôn thương thọ nhận y phục ẩm thực y dược ngọa cụ của con.

Đức Phật bảo Lô-di:

- Nay ông đã là học nhân, có trí sáng suốt, đã viễn ly trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch, thỉnh cầu Như Lai thường thọ nhận y phục ẩm thực y dược ngọa cụ của ông. Nhưng nếu có các học nhân khác có trí thông minh viễn ly trần cấu, đặng con mắt pháp trong sạch, cũng lại thỉnh cầu Như Lai thường thọ nhận y phục ẩm thực y dược ngọa cụ của họ thì sao?

Bấy giờ, Đức Thế Tôn ở tại thành Ba-bà không thể nhận sự thỉnh mời riêng từng người. Bấy giờ trong thành tất cả mọi gia đình đều tập trung thức ăn tại một địa điểm để cúng Phật và Tăng. Lúc ấy Lô-di đến chỗ làm thức ăn xem xét thì thấy không có bánh, ông liền về nhà, trong đêm đó sắm sửa đầy đủ các thứ bánh, sáng ngày đem đến cúng dường cho các Tỳ-kheo. Các Tỳ-kheo không nhận lời, và nói Đức Phật chưa cho phép chúng tôi nhận bánh trước khi thọ thực. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép nhận.

Thế Tôn từ thành Ba-bà đến A-đầu.¹⁶⁹⁵ Bấy giờ tại trú xứ A-đầu, có hai Tỳ-kheo là hai cha con xuất gia,¹⁶⁹⁶ trước kia thường làm nghề hớt tóc. Bấy giờ, hai Tỳ-kheo nghe Đức Phật từ Ba-bà đến A-đầu, bèn nghĩ: Chúng ta nên sắm sửa thứ gì để cúng dường Đức Thế Tôn. Người cha nói với người con:

- Nay cha sẽ đi tìm chỗ hớt tóc. Con lấy tiền ấy sắm sửa cháo để cúng dường Đức Thế Tôn. Nói xong người cha đi hớt tóc người con lấy tiền đã được đó đi sắm sửa cháo, đem đến cúng dường Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn biết mà vẫn hỏi A-nan:

- Cháo này ở đâu?

Tôn giả bạch đầy đủ vấn đề lên Đức Thế Tôn. Đức Thế Tôn dạy:

- Người xuất gia không được hớt tóc cho bạch y, trừ khi họ muốn xuất gia. Nếu người thọ hớt tóc đã xuất gia thì không được tích trữ dao cạo. Nếu chứa sẽ như pháp trị.

Bấy giờ, chúng Tăng nhận được dao cạo tóc, bạch Phật. Đức Phật cho phép tích trữ.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ A-đầu đến Ca-ma-la. Các Tỳ-kheo được

1695. A-đầu 阿頭. Pali: Ātumā, thị trấn nằm giữa Kusinārā va Sāvatti.

1696. Một người cha làm nghề hớt tóc, có hai người con. Cha sau đi tu.

cúng thuốc rễ như a-lậu-di, na-lậu-tỳ, na-lậu-đề, bà-đàn, lư-càn-lậu, tư-la-nậu.¹⁶⁹⁷ Các Tỳ-kheo không nhận và nói: Đức Phật chưa cho chúng tôi thọ dụng những căn dược như vậy. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép nhận.

Trong khi ấy tại nước Ca-ma-la, các Tỳ-kheo được người cho các thứ thuốc trộn đời¹⁶⁹⁸ như sa-mạn-na, ma-ha sa-mạn-na, hạnh tử, nhân-đâu-đâu-lậu, sát địch lê. Các Tỳ-kheo không nhận, và nói: “Đức Phật chưa cho chúng tôi nhận các thứ thuốc tận hình thọ như vậy.” Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép nhận.

Bấy giờ, Đức Thế Tôn từ Ca-ma-la đến nước Ca-duy-la-vệ. Tất-lăng-già-bà-ta hiện trú tại nước đó, chân bị đau, thầy thuốc bảo xoa cái chân, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép xoa.

Nhưng không biết dùng thuốc gì để xoa, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép dùng dầu bơ hoặc mỡ để xoa. Khi tay cầm dầu bơ bị hôi, Đức Phật bảo lấy que xúc thuốc. Khi tay xoa chân, tay bị nhớt, Đức Phật bảo lấy chân xoa chân. Thuốc xoa chân đựng trong cái tô không bảo đảm, Đức Phật cho phép đựng trong cái bình. Nếu sợ bụi bặm, Phật cho phép đập lại bằng cái nắp. Bình đựng dầu, để chỗ không bảo đảm, Đức Phật cho phép treo dưới giường hoặc treo trên vách, trên long nha, trên cây trụ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bị đau đầu, thầy thuốc bảo thoa dầu trên đầu, bạch Phật. Đức Phật cho phép thoa. Vị kia vì e ngại không dám dùng dầu thơm thoa. Phật dạy cho phép thoa. Phương pháp dùng dầu phải như vậy.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị bệnh phong, thầy thuốc bảo làm thuốc trừ phong. Trong phương thuốc trừ phong gồm có nấu gạo thóc, chưng bả rượu; hoặc đại mạch, hoặc các loại cỏ trừ phong, hoặc trấu, hoặc nấu nước tiểu, bạch Phật. Đức Phật cho phép.

1697. A-lậu-di, na-lậu-tỳ, na-lậu-đề, bà-đàn, lư-càn-lậu, tư-la-nậu, 漏彌那漏比那漏提婆檀豆檀盧乾漏私羅漏 không đoán ra nguyên Phạm được. Dược sự 1, thuốc chế từ rễ: phụ tử (Skt. musta) xương bồ (Skt. vaca), hoàng khương hay nghê (haridra). Sinh khương hay gừng (ādraka), phụ tử trắng (? Skt. ativisa mạch đông). Danh sách Pali, Vin.i. 20l: halidda (củ nghệ), singivera (gừng), vaca (xương bồ hay rễ diên vĩ), vacattha (xương bồ trắng), ativisa (mạch đông), kanu-karohini (hồ liên cay), usīra (hương căn), bhaddhamutta (cát tường thảo).

1698. Dược sự 1: tận thọ dược, gồm thuốc được chế từ rễ, lá, hoa và quả.

Bấy giờ, Tất-lăng-già-bà-ta cần cái soong để nấu, Đức Phật cho phép chứa dùng. Chúng Tăng nhận được cái soong lớn, Đức Phật cho phép tích trữ. Tất-lăng-già-bà-ta nhận được ba loại chỗ: chỗ đồng, chỗ thiết, chỗ đất, Đức Phật dạy cho phép tích trữ. Chúng Tăng cũng được cho phép tích trữ như vậy. Sau đó Tất-lăng-già-bà-ta nhận được cái bình bằng đồng, bình bằng thiết, bình bằng đất, Đức Phật dạy cho phép chứa. Chúng Tăng cũng được phép chứa như vậy. Tất-lăng-già-bà-ta nhận được bánh nướng, Đức Phật dạy cho phép cất. Chúng Tăng cũng được phép cất như vậy. Tất-lăng-già-bà-ta nhận được cái âu bằng đồng, nhận được cái tô, Đức Phật dạy cho phép chứa. Chúng Tăng cũng được phép chứa như vậy.¹⁶⁹⁹

6. Tịnh địa

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị bệnh ói mửa, nhờ người trong thành Xá-vệ nấu cháo. Hôm đó, vì có nhân duyên nên cửa thành mở trễ, chưa nhận kịp cháo, bệnh nhân qua đời. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép Tăng-già-lam nên kiết tịnh địa,¹⁷⁰⁰ bằng pháp bạch nhị yết-ma. Nên kiết như vậy: Công bố địa điểm, hoặc phòng nào, hay nhà ôn đường hay chỗ kinh hành. Trong chúng nên sai người có khả năng tác pháp yết-ma, hoặc Thượng tọa hay thứ tọa, tụng luật được hay không tụng luật được, miễn là có thể tác pháp yết-ma, tác bạch như vậy:

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận. Nay Tăng lấy địa điểm... kiết làm tịnh địa. Đây là lời tác bạch.

- Đại đức Tăng xin lắng nghe! Nay Tăng lấy địa điểm... kiết làm tịnh địa. Trưởng lão nào đồng ý, Tăng lấy địa điểm... kiết làm tịnh địa, thì im lặng. Vị nào không đồng ý xin nói.

- Tăng đã chấp thuận, tăng lấy địa điểm... kiết làm tịnh địa rồi. Tăng đã chấp thuận nên im lặng. Việc này được ghi nhận như vậy.

Có bốn thứ tịnh địa:¹⁷⁰¹

1. Đàn-việt hoặc người tri sự, khi xây cất Tăng-già-lam, đã phân

1699. Hết quyển42.

1700. Tịnh địa 淨地; Pali, Mahāvagga vi, Vin.i. 2>9, kappiyabhūmi, khu đất được dành riêng. Hành sự sao 10 (T40n1804 tr.119b14) giải: “Nghịệp là uế, nên nói là bất tịnh.” Nhưng chữ Hán nói là tịnh trong tịnh trừ, tịnh khố, tác tịnh, đều dịch ý tiếng Phạn kalpa (Pali: Kappa), nghĩa chính là “tư duy phân biệt” (Nghĩa Tịnh dịch là phân biệt), theo đó, vật tịnh, hay được tác tịnh, là vật được chỉ định (hợp thức hoá) cho sử dụng đặc biệt nào đó. Chữ tịnh như vậy không liên quan gì đến ô uế hay thanh tịnh như Hành sự sao giải thích.

1701. Magāvagga vi, có ba thứ tịnh địa: 1. ussāvanantika, tịnh địa do công bố, như cấm cọc, đặt đá, chỉ định riêng. 2. gonisādi, tùy cơ, cần thiết tại đâu thì làm tại đó, như bò nghỉ ở đâu thì làm chuồng ở đó. >. gahapati, do thí chủ chỉ định khi dựng chùa.

định, nói như vậy: Chỗ đó sẽ dùng làm tịnh địa cho Tăng.

2. Hoặc là xây cất Tăng-già-lam cho Tăng, mà chưa dâng cúng cho Tăng.

>. Hoặc phân nửa có rào ngăn, hoặc phần nhiều không rào ngăn, hoặc tất cả không rào ngăn; hoặc tường hoặc hào cũng như vậy.

4. Tăng bạch nhị yết-ma để kết.

Các Tỳ-kheo nghi: Có thể lấy phòng của Tỳ-kheo kiết làm tịnh địa không? Bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Có thể lấy làm. Trừ Tỳ-kheo đi vắng.

Phòng của Tỳ-kheo-ni, Thức-xoa-ma-na, sa-di, sa-di-ni cũng như vậy. Hay miếu, nhà của quỷ thần, cũng được phép kiết làm tịnh địa như vậy.

Bấy giờ, có các Tỳ-kheo không biết nơi nào là tịnh địa. Bạch Phật. Phật dạy: Chỗ được quy định. Nếu nghi trước đó có tịnh địa rồi thì nên giải, sau đó mới kết lại.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo đang sửa lại Tăng-già-lam cũ, không biết được phép kết tịnh địa không? Đức Phật dạy:

- Được phép kết.

Bấy giờ, có cây mọc trên đất không tác tịnh, (875a1) cành lá che phủ đất đã tác tịnh. Lúc ấy các Tỳ-kheo muốn an trí vật được tác tịnh lên trên, không biết là tịnh hay không tịnh? Đức Phật dạy:

- Gốc thuộc đất không được tác tịnh, thì cả cây cũng không được tịnh.

Trường hợp có gốc cây thuộc đất tịnh, cành lá che phủ đất không

tịnh. Các Tỳ-kheo muốn an trí tịnh vật lên trên, không biết là tịnh hay không tịnh? Đức Phật dạy:

- Gốc thuộc đất tịnh, thì cả cây được tịnh.

Trường hợp có gốc thuộc nơi đất không tác tịnh, cành lá che phủ đất tịnh, và trái rơi xuống đất tịnh. Các Tỳ-kheo không biết là tịnh hay không? Đức Phật dạy:

- Không có người xúc chạm, tự rơi xuống là tịnh.

Trường hợp gió thổi mưa sa làm cho rơi xuống; hoặc có loài khỉ vượn hay chim chóc xúc phạm đến làm cho rơi xuống, không biết là tịnh hay không tịnh? Đức Phật dạy:

- Nếu không có ý muốn khiến cho rơi xuống, tức là tịnh.

Gốc cây thuộc nơi đất tịnh, trái rơi xuống nơi đất không tịnh. Tỳ-kheo không biết là tịnh hay không tịnh? Đức Phật dạy:

- Là tịnh.

Bấy giờ, có các Tỳ-kheo trồng đậu, trồng dưa, mía, rau nơi đất không tịnh, cành lá che phủ nơi đất tịnh, không biết tịnh hay không tịnh? Đức Phật dạy:

- Không tịnh.

Trường hợp đậu, dưa, mía, rau trồng nơi đất tịnh, cành lá che phủ nơi đất không tịnh. Các Tỳ-kheo không biết tịnh hay không tịnh? Đức Phật dạy:

- Tịnh.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ăn quả không tịnh,¹⁷⁰² các cư sĩ thấy cơ hiềm: Sa-môn Thích tử không biết thổ thẹn, không biết nhàm chán và biết đủ mà tự xưng là tôi biết chánh pháp. Trái không tác tịnh mà ăn, như vậy có gì là chánh pháp? Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được ăn trái không tịnh. Nên tác tịnh rồi mới ăn. Nên làm theo năm pháp tịnh mới ăn:¹⁷⁰³ Tác tịnh bởi lửa, tác tịnh bởi dao, tác tịnh bởi mụn nhọt,¹⁷⁰⁴ tác tịnh bởi chim cắn, tác tịnh bởi loại hạt trái không mọc. Trái được làm theo năm pháp tịnh này thì được ăn. Ở đây, tác tịnh bởi dao, tác tịnh bởi mụn nhọt, tác tịnh bởi chim cắn thì nên bỏ hạt rồi ăn. Tác tịnh bằng lửa và tác tịnh bằng hạt trái không mọc thì ăn hết. Lại còn có năm pháp tịnh nữa như: gọt vỏ, lột vỏ, bị hư mục, bị nứt ra, bị khô héo.

Bấy giờ, chúng Tăng nhận được vườn trái cây. Đức Phật dạy:

- Cho phép nhận.

Nhưng không biết giao cho ai liệu lý. Đức Phật dạy:

- Giao cho những người giữ Tăng-già-lam, hoặc sa-di, hay ưu-bà-tắc.

Người liệu lý muốn được chia phần. Đức Phật dạy:

- Nên quy giá trị thành thức ăn để trả cho họ.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo ăn trái nhai không nát nên đại tiện hạt mọc thành cây. Các Tỳ-kheo e ngại nói: Mình đã phạm tội ăn hạt trái mọc. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không phạm, vì đó là tịnh.

Bấy giờ các Tỳ-kheo trồng rau, tự mình rải hạt giống. Sau đó sinh nghi nói, - Mình tự trồng nên không dám ăn. Bạch Phật. Phật dạy:

1702. Tự hái trái cây mà ăn.

1703>. Tham chiếu Pali, Vim̐. 109, paṭcahi samanakkappehi phalam paribhujitum, ăn trái cây với điều hợp thức của Sa-môn: satthaparicitam (đã bị lửa phạm), nakkhaparicitam (đã bị dao phạm), nakkhaparicitam (đã bị móng tay phạm), abījam (không có hạt mầm), nibbatabījam (hạt mầm đã hỏng).

1704. Sang tịnh 瘡淨.

- Hạt giống đã biến đổi, cho phép ăn.

Tỳ-kheo dời rau trồng chỗ khác, nghi nói, - Mình tự trồng nên không dám ăn. Bạch Phật. Phật dạy:

- Vì sinh trở lại, cho phép được ăn.

Hoặc tự mình trồng đậu, dưa, mía, nho, lê, ha-lê-lặc, bệ-lê-lặc, a-ma-lặc, tiêu, gừng, lá lốt, hay di chuyển trồng chỗ khác vẫn được ăn.

Có một sa-di nhỏ cầm đồ tịnh thực qua sông, tự mình không đỡ nổi. Phật cho phép Tỳ-kheo lớn đỡ cho sa-di qua.

Bấy giờ, có một sa-di nhỏ mang đồ tịnh thực không thể leo lên bờ sông được. Phật cho phép Tỳ-kheo lớn dìu lên. Có một sa-di nhỏ không thể đưa đồ tịnh thực lên treo trên vách tường hay treo lên trên cây long nha, cây trụ, và cũng không lấy xuống được. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép để trên giường. Hoặc dùng ghế hay bục đứng để treo lên hay lấy xuống.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo có bình đựng sữa đông, bình đựng dầu mà không đầy. Bạch Phật. Đức Phật bảo, khiến tịnh nhân đầy lại. Nếu không có tịnh nhân, thì tự tay lấy cái nắp đặt lên trên, chứ không được dùng tay mình chạm vào.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo ăn rau không tịnh,¹⁷⁰⁵ các cư sĩ thấy vậy cùng nhau cơ hiềm: Sa-môn Thích tử không biết tầm quý, không nhàm chán và biết đủ. Đoạn mạng chúng sinh, mà tự nói mình biết chánh pháp. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được ăn rau không tịnh. Phải tác tịnh.

Lúc ấy Tỳ-kheo kia tự tác tịnh. Đức Phật dạy:

- Không được tự tác tịnh. Phải khiến tịnh nhân tác tịnh.

Có Tỳ-kheo tự tay cầm thức ăn, rồi khiến người ta tác tịnh.¹⁷⁰⁶ Đức Phật dạy:

- Không được tự tay cầm thức ăn, rồi khiến người khác tác tịnh. Phải để xuống đất, rồi khiến người tác tịnh.

Vị kia tác tịnh rồi, không thọ mà ăn.¹⁷⁰⁷ Đức Phật dạy:

- Không được tác tịnh rồi, không thọ mà ăn. Nên tác tịnh rồi, rửa tay thọ, rồi mới ăn.

Vị kia rửa rau liên căn rồi tác tịnh. Đức Phật dạy:

- Không được rửa rồi lại tác tịnh. Ở đây rửa tức là tịnh.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo trước đó hiềm nhau, nên sờ vào tịnh thực của

1705. Tự hái rau mà ăn.

1706. Tự mình cầm lên rồi đưa cho người khác.

1707. Phép thọ, xem cht. 117 & 118 dưới.

vị khác với ý nghĩ: Khiến Tỳ-kheo kia dặng thức ăn không tịnh. Tỳ-kheo kia không biết là tịnh hay không tịnh. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Đã bị chạm, là bất tịnh. Không bị chạm, là tịnh. Người sờ vào phạm đột-kiết-la.

Bấy giờ, Tỳ-kheo nọ hiềm Tỳ-kheo khác, đến chỗ sa-di nhỏ của vị kia sờ vào thức ăn tịnh, với ý nghĩ: Khiến cho Hòa thượng, A-xà-lê của sa-di nhỏ kia nhận được thức ăn không tịnh. Tỳ-kheo kia không biết tịnh hay không tịnh, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Đã bị chạm, là bất tịnh. Không bị chạm, là tịnh. Người sờ vào phạm đột-kiết-la.

Bấy giờ, có tịnh nhân nghĩ: Sốt thức ăn nhiều cho Tỳ-kheo, để Tỳ-kheo ăn không hết, rồi mình ăn. Tỳ-kheo kia phải lên tiếng ngăn, - Đừng sốt nữa. Nếu người kia không ngưng, Tỳ-kheo hãy tạm rời một lát. Tỳ-kheo kia không biết tịnh hay bất tịnh, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Tịnh.

Bấy giờ, có các cư sĩ mang dụng cụ ẩm thực đến Tăng-già-lam nhờ cất. Sau đó các cư sĩ đến hoặc tự ăn, hoặc đem về, hoặc cho Tỳ-kheo ăn. Tỳ-kheo e ngại không dám ăn, vì nghĩ: Trước đây, tự tay chúng ta mang đi cất. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Đây là những vật sở hữu của đàn-việt. Cho phép, vì đàn-việt, rửa tay thọ rồi ăn.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bệnh cần cháo. Đức Phật cho phép nấu. Nếu không có người thì tự tay nấu, hay thay nhau nấu. Họ không biết nấu cách nào. Đức Phật bảo:

- Sai tịnh nhân rửa cái nồi cho sạch, đổ nước vô, bỏ gạo vào rồi nấu cho sôi. Tỳ-kheo rửa tay để thọ. Sau đó, tự mình nấu cho chín. Người nấu không biết đến mức độ nào gọi là chín? Đức Phật dạy:

- Nên lấy cái thìa múc để xem. Nếu chảy xuống dọc theo thìa, là chín. Cháo chín rồi, nên múc đổ vào đồ đựng khác. Vị kia vừa rót cháo, vừa giữ đồ đựng, nên vất vả. Phật dạy:

- Không nên vừa rót cháo vừa giữ đồ đựng. Nên để người khác cầm đồ đựng.

Nếu bị nóng tay thì phải dùng cái khăn để kẹp cho khỏi nóng. Cỏ hoặc trùn rơi vào cháo, vị kia dùng tay lấy ra bị nóng. Đức Phật dạy:

- Nên dùng cái thìa để múc.

Vị kia muốn chia cháo. Đức Phật cho phép chia. Vị kia không biết lấy vật gì để chia. Phật dạy:

- Dùng cái bát cạn hoặc cái bát nhỏ, hay cái chén, hoặc dùng cái

thìa để làm bát lường. Nếu bát để không ngay, nên làm cái chân bát. Nếu bị bụi bẩn dính thì nên làm cái nắp đậy. Vị kia không rửa sạch bát đựng mà đem cất. Các Tỳ-kheo khác thấy nhỡm gồm. Đức Phật dạy:

- Nên rửa cho sạch rồi mới đem cất.

Khi rửa không dùng tro hay bột đậu để rửa nên không sạch. Đức Phật dạy:

- Nên dùng tro hay bột đậu để rửa.

Rửa rồi, không để khô, liền đem cất, nên trùng sinh. Đức

Phật

dạy:

- Không được không để khô mà đem cất. Nên phơi cho khô rồi sau đó đem cất.

Đồ đựng kia bị lỗ hỏng, nên thức ăn nhét và trong đó. Nhiều lần cay rửa nên bị vỡ. Đức Phật dạy:

- Tùy theo những chỗ có thể rửa được thì rửa. Ngoài ra không phạm.

Có các Tỳ-kheo nghĩ: Trong cương giới có được phép ngủ chung với cháo;¹⁷⁰⁸ trong cương giới, có được phép nấu,¹⁷⁰⁹ và tự nấu hay không? Đức Phật dạy:

- Không được cùng ngủ chung (với thức ăn) trong cương giới, nấu trong cương giới. (Trong cương giới), cho phép tự nấu.

Các Tỳ-kheo nghĩ: Cháo được hâm lại, trong cương giới có được phép ngủ chung; trong cương giới, có được phép nấu, và tự nấu hay không? Đức Phật dạy:

- Không được trong cương giới nấu cùng ngủ chung; nhưng được phép tự nấu.

Các Tỳ-kheo nghĩ: thuốc dùng trọn đời, trong cương giới có được phép ngủ chung; trong cương giới, có được phép nấu, và tự nấu hay không? Đức Phật dạy:

- Cho phép, thuốc dùng trọn đời, trong cương giới, được phép ngủ chung; trong cương giới, được phép nấu, và tự nấu.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo muốn thọ váng sữa mà nhầm thọ dầu. Nghi không biết có thành thọ hay không? Đức Phật dạy:

- Không thành thọ.

Có Tỳ-kheo muốn thọ dầu mà nhầm thọ váng sữa. Nghi không biết có thành thọ hay không? Đức Phật dạy:

- Không thành thọ.

1708. Được phép để qua đêm.

1709. Người khác nấu cho mình.

Muốn thọ thứ này mà nhằm thọ thứ kia, nghi không biết có thành thọ hay không? Đức Phật dạy:

- Không thành thọ.

Có Tỳ-kheo quên không thọ thực, nên mang đi đường, qua sông rồi mới nhớ, liền nghĩ: Ta nên giải quyết thế nào? Liền bạch Phật. Phật dạy:

- Nếu quên không thọ thực, mang đi đường như vậy, nếu gặp tịnh nhân, nên để thức ăn xuống đất, rửa tay sạch rồi thọ¹⁷¹⁰ mà ăn.

Đức Thế Tôn ở tại nước Ba-la-nại. Bấy giờ gặp lúc mất mùa lúa gạo kham hiếm, nhân dân đói khát, khát thực khó được. Các Tỳ-kheo đem thức ăn để chỗ đất trống, không đập cát, bị người chăn bò, chăn dê, hay kẻ trộm lấy đi mất. Các Tỳ-kheo khởi ý nghĩ: Quốc độ này gặp lúc đói khát, Đức Thế Tôn có cho phép cùng ngủ với thức ăn trong cương giới hay không? Bạch Phật. Phật dạy:

- Nếu gặp lúc lúa gạo quý, cho phép cùng ngủ với thức ăn trong cương giới.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nấu thức ăn nơi chỗ trống, mà không cất đập, nên người chăn trâu dê, hay kẻ trộm thấy lấy đi. Các Tỳ-kheo nghĩ: Lúc lúa gạo quý, có nên xin phép Phật cho nấu thức ăn trong cương giới? Bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Lúc lúa gạo quý, cho phép nấu thức ăn trong cương giới.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo bảo tịnh nhân nấu thức ăn. Họ lấy bớt phần ăn hay ăn hết. Các Tỳ-kheo nghĩ: Lúc lúa gạo quý, có nên tự nấu thức ăn? Bạch Phật. Phật dạy:

- Lúc lúa gạo quý, cho phép tự nấu thức ăn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo trên đường đi, thấy trên mặt đất có trái cây. Tỳ-kheo tìm tịnh nhân để lượm, thì người khác thấy lượm đi. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép dùng cỏ hay lá tủa trái cây lại.

Nhưng người khác vẫn lấy đi. Bạch Phật. Phật dạy:

- Cho phép lấy. Nếu gặp tịnh nhân nên, để dưới đất, rửa tay rồi thọ và ăn.

Các Tỳ-kheo nghĩ: Khi lúa gạo quý, Đức Thế Tôn có nên cho phép chúng ta tự lấy thức ăn? Đức Phật dạy:

- Khi lúa gạo quý, tự mình được phép lấy thức ăn để ăn.¹⁷¹¹

1710. Tức tác pháp thọ: Thức ăn để xuống đất. Tịnh nhân mang lại đưa cho tỳ-kheo. Tỳ-kheo nhận lại, bằng cách “ngửa tay” mà nhận. Cf. Hành sự sao (T40n1804 tr.12>c02)

1711. Ngũ phần: (...) không thọ thức ăn, mà ăn; đồng nghĩa với sự lấy của không cho. Cf. Hành

Bấy giờ, các Tỳ-kheo, sáng sớm dậy, thọ thực rồi cất thức ăn. Sau đó vào thôn, được mời ăn. Khi trở về, đến bên Tỳ-kheo khác làm pháp dư thực. Vị kia ăn một phần hoặc ăn hết. Tỳ-kheo nghĩ: Lúc lúa gạo quý, mong Đức Thế Tôn cho phép chúng ta, sáng sớm thọ thực rồi, không làm pháp dư thực, được ăn lại. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép, lúc lúa gạo quý, không làm pháp dư thực, được ăn lại.

Bấy giờ, có vị trưởng lão được nhiều người biết đến, vào thôn khát

thực. Được thức ăn rồi, đem đến một chỗ để ăn. Sau đó, mang thức ăn còn dư về trong Tăng-già-lam, đến Tỳ-kheo khác làm pháp dư thực để ăn lại. Vị kia hoặc ăn một phần hoặc ăn hết. Các Tỳ-kheo nghĩ: Lúc lúa gạo quý, mong Đức Thế Tôn cho phép chúng ta từ nơi chỗ ăn, mang thức ăn về, không làm pháp dư thực mà được ăn lại. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Lúc lúa gạo quý, từ chỗ ăn mang thức ăn về, không làm pháp dư thực vẫn được ăn lại.

Bấy giờ, có các Tỳ-kheo thọ thực rồi nhận được quả hồ đào, quả thị,¹⁷¹² bà-đà, am-bà-la, a-bà-lợi, đến các Tỳ-kheo khác làm pháp dư thực. Vị kia hoặc ăn một phần hoặc ăn hết. Các Tỳ-kheo nghĩ: Khi lúa gạo quý, mong Đức Thế Tôn cho phép chúng ta, nhận được quả như vậy, không làm pháp dư thực mà được ăn lại. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Lúc lúa gạo quý, nhận được trái cây như vậy, không làm pháp dư thực được ăn.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo ăn xong, nhận được thức uống, trong đó có ngó sen, gốc sen, ca-bà-đà, củ ấu, hạt sen, có thể ăn được, đến các Tỳ-kheo khác làm pháp dư thực. Vị kia hoặc ăn một phần hoặc ăn hết. Các Tỳ-kheo nghĩ: Lúc lúa gạo quý, mong Đức Thế Tôn cho chúng ta ăn rồi nhận được nước, trong đó có thức ăn như vậy, không tác pháp dư thực mà được ăn. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Khi lúa gạo quý, ăn xong, nhận được nước, trong đó có thức ăn như vậy, không làm pháp dư thực vẫn được ăn.

Bấy giờ lúa gạo rẻ trở lại, Đức Thế Tôn biết mà vẫn cố hỏi A-nan:

- Lúc lúa gạo quý, Ta đã từ chối đối với các Tỳ-kheo nên cho phép tám trường hợp được phép: trong cương giới cùng ngủ với thức ăn, trong cương giới nấu, tự mình nấu, tự mình lấy thức ăn, sáng sớm thọ thực rồi

1712. Phi đào 裊桃; một loại thị (Từ nguyên).

từ chỗ ăn mang thức ăn đến chỗ khác ăn, ăn trái hồ đào..., trong nước có thức ăn có thể ăn, ăn rồi không làm pháp dư thực được ăn. Nay các Tỳ-kheo áp dụng luôn như vậy sao?

Tôn giả thưa:

- Áp dụng luôn.

Đức Phật dạy:

- Không được áp dụng luôn như vậy. Nếu ăn như vậy sẽ như pháp trị.

Bấy giờ, nhà bếp của chúng Tăng bị hư hoại. Các Tỳ-kheo lấy cây chống. Chân của các cây đứng trên đất không tịnh. Các Tỳ-kheo nghi, không biết có tịnh hay không? Phật dạy:

- Tịnh.

Ban đêm di chuyển, đồ ăn bị rơi vào đất không tịnh. Các Tỳ-kheo không biết là tịnh hay không tịnh, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Tịnh.

Bấy giờ, có con chó từ nơi đất tịnh tha miếng thịt đến chỗ đất không tịnh. Các Tỳ-kheo không biết tịnh hay không tịnh, bạch Phật. Phật dạy:

- Tịnh. Các ác thú hay chim tha đi cũng như vậy.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo hiềm Tỳ-kheo khác, nên dời thức ăn của vị này đến chỗ không tịnh, với ý nghĩ: Khiến cho vị này không được tịnh. Các Tỳ-kheo không biết như vậy tịnh hay không tịnh, bạch Phật. Phật dạy:

- Vật bị chạm là bất tịnh.^{171>} (Tỳ-kheo kia) phạm đột-kiết-la. Không bị chạm đến thì tịnh.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo hiềm Tỳ-kheo khác với ý nghĩ: chạm tay vào tịnh địa của vị kia, khiến cho nó trở thành không tịnh. Các Tỳ-kheo không biết như vậy tịnh hay bất tịnh, bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Bị chạm đến, thành không tịnh. (Người kia) mắc đột-kiết-la. Không xúc chạm là tịnh.

Bấy giờ, có vị khách Tỳ-kheo đến, tìm đất tịnh muốn để thức ăn. Nhưng chưa đến đất tịnh thì tướng ánh sáng xuất hiện. Vị kia không biết tịnh hay không tịnh? bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Tịnh. Muốn đi xa cũng như vậy.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo tích trữ thương, đấu, học, cân. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

^{171>}. Vật được dời, bị tay người dời chạm đến, không còn thuộc chủ cũ, nên không còn tịnh. Chủ cũ muốn dùng, phải tác pháp thọ trở lại. Người di chuyển, có ác ý, phạm đột-kiết-la.

- Không được tích trữ.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nhận được vừng, lúa tám, đại đậu, tiểu đậu, đại mạch, tiểu mạch, tự mình muốn cân lường, bạch Phật. Phật dạy:

- Cho phép cân lường. Hoặc dùng cái bát cạn, hoặc cái bát hay cái chén để lường. Nghĩa là dùng dụng cụ lớn nhỏ này làm chuẩn để đong lường.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo nhận được sữa đông, dầu, mật, đường cát đen, muốn cân lường. Bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép, lấy cây khắc vào làm cán cân, như chuẩn cân đến mức bốn, năm lượng.

Vị kia lấy phòng tốt nhất làm tịnh xứ, khiến sữa, dầu, mỡ dính như bần, hoặc khói xông đen. Đức Phật bảo:

- Không được lấy cái phòng tốt nhất kết làm tịnh xứ, mà nên lấy phòng xấu nhất để kết làm tịnh xứ.

Các Tỳ-kheo nhận được trái cây. Đức Phật cho phép chia đều. Nếu không đủ thì nhớ theo thứ tự, để khi nhận được chia tiếp theo. Nếu nhận được nhiều thì chia một người bốn năm trái. Hoặc chia bằng cái vá, hay bằng cái bát cạn, hoặc bằng cái bát nhỏ hơn; hoặc tùy theo khả năng có thể ăn mà chia. Nếu còn dư thì chia lại lần thứ hai. Lúc ấy, có vị đem cho bạch y và ngoại đạo. Đức Phật dạy:

- Không được cho ngoại đạo và bạch y.

Tỳ-kheo kia e ngại không dám cho cha mẹ, hoặc người bệnh, trẻ nít, người đàn bà có thai, người bị nốt trong tù, hoặc bạch y đến trong Tăng-già-lam. Đức Phật dạy:

- Những người như vậy nên cho. Nếu còn dư, nên ép lấy nước để uống.

Bấy giờ cần dụng cụ để ép, Đức Phật cho phép sấm. Nếu nước

chưa lên men, không làm cho người uống say thì được dùng. Nếu nước uống mà bị say thì không được uống. Vị nào uống sẽ như pháp trị.

Thế Tôn ở Tỳ-xá-ly. Bấy giờ chúng Tăng nhận được nhiều đồ ăn thức uống cúng dường. Cơ thể các Tỳ-kheo bị bệnh thấp.¹⁷¹⁴ (877a1) Bạch Phật. Đức Phật cho phép làm thuốc thổ hạ; cần cháo canh, cho phép cháo canh. Cần thịt chim rừng, cho phép.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị bệnh đau đầu, thầy thuốc bảo nhỏ nước vào lỗ mũi. Phật cho phép nhỏ. Vị ấy không biết dùng nước gì để nhỏ. Đức Phật bảo: Dùng váng sữa, dầu, mỡ, để nhỏ. Vị ấy không biết phương pháp nhỏ như thế nào? Đức Phật bảo: Cho phép dùng lông dê hay kiếp-

1714. Hoạn thấp 患濕;

bối, lông chim, nhúng vào dầu rồi sau đó nhỏ vào lỗ mũi. Khi nhỏ dầu chảy ra xung quanh. Đức Phật bảo làm cái ống để nhỏ. Vị kia dùng vật quý giá làm cái ống. Đức Phật dạy: Không được dùng vật quý giá để làm, mà nên dùng xương, răng, sừng, thiết, đồng, bạch lạp, chì, kẽm, trúc, tre, hay cây để làm. Vị kia không rửa sạch mà đem cất. Đức Phật dạy: Không được không rửa mà đem cất. Rửa rồi chưa khô nên sau đó trùng sinh. Đức Phật dạy: Rửa sạch chưa khô không được đem cất. Nên hơi cho khô rồi mới đem cất.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị bệnh đau đầu, thầy thuốc bảo nhỏ thuốc vào lỗ mũi, thuốc không vào. Đức Phật cho phép lấy tay xoa trên đầu, hoặc chà xát ngón chân cái, hay dùng váng sữa đông đặc trét vào lỗ mũi.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo mắc bệnh thống phong, thầy thuốc bảo xông hơi. Đức Phật cho phép dùng hơi để xông. Bấy giờ cần cái ống đồng để xông hơi. Đức Phật cho phép làm cái ống. Vị kia dùng vật báu để làm. Đức Phật dạy: Không được dùng vật báu để làm. Nên dùng xương, răng, sừng, thiết, đồng, bạch lạp, chì, kẽm hoặc cây để làm. Nếu sợ lửa đốt cháy, bị hở hơi, cho phép dùng thiết để lót. Hoặc sợ ống đồng rơi xuống. Đức Phật cho phép làm cái dây để đỡ. Dùng tay cầm không chặt; Đức Phật cho phép làm cái dây để cột đeo trên vai. Vị kia cần dùng thuốc hoàn. Đức Phật cho phép chế. Nếu tay cầm không bảm đảm thì nên để trong cái dây của ống đồng để xông.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị mụn nhọt, thầy thuốc bảo làm thuốc để thoa mụn nhọt. Đức Phật dạy cho phép làm. Mụn nhọt kia bị cương mủ, nên dùng dao mổ ra để thoa thuốc. Từ nay trở đi Đức Phật cho phép dùng dao để mổ mụn nhọt. Mụn nhọt bị hôi thúi, nên rửa cho sạch bằng nước rễ cây, cành cây, cọng cây, lá, bông, trái đã nấu sôi; hoặc rửa bằng nước tiểu. Bấy giờ, dùng tay kì rửa, bị đau, nên dùng lông chim để rửa. Nếu nước thuốc bị chảy, nên dùng vật gì ngăn xung quanh. Nếu sợ khô, thì dùng dầu thoa ở trên, lấy cái gì che lại. Nếu mụn bị thúi, thì dùng hương thơm để thoa.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo bị bệnh sốt rét, Đức Phật cho phép dùng cái y dày để đắp. Nếu vẫn còn lạnh, nên dùng cái ngọc cụ bằng dạ mềm phủ lên trên. Nếu không hết lạnh, thì cho phép một Tỳ-kheo cùng nằm. Có vị cẩn thận sợ không dám cùng nằm với Tỳ-kheo bệnh. Đức Phật dạy:

- Cho phép cùng nằm với Tỳ-kheo bệnh.

Bấy giờ, có bạch y bệnh, đến trong Tăng-già-lam, Tỳ-kheo phải

chăm sóc bệnh. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Cho phép. Phương tiện hưởng dẫn họ khen ngợi Phật, Pháp, Tăng. Việc gì cần giúp thì giúp cho họ.

Khi người bệnh ấy qua đời. Các Tỳ-kheo e ngại không dám chôn, vì Đức Thế Tôn có dạy: Không được chôn cất người bạch y. Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy:

- Nên vì tịnh Tăng-già-lam mà chôn cất.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo cạo lông ba chỗ. Các Tỳ-kheo bạch Phật. Đức Phật dạy:

- Không được cạo lông ba chỗ.

Bấy giờ nhóm sáu Tỳ-kheo cùng nhau xem lông hậu môn, xem thử lông ai dài lông ai ngắn và đã thoa thuốc gì? Các Tỳ-kheo bạch Phật, Phật dạy:

- Không được cùng nhau xem lông hậu môn, và hỏi ai lông dài lông ngắn, cùng đã thoa thuốc gì.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo dùng dầu bơ nhều vào đường đại tiện.

Đức Phật dạy:

- Không được nhều.

Vị kia nhờ người nhều. Đức Phật dạy: Không được nhờ người nhều.

Bấy giờ, có Tỳ-kheo an cư ở phương bắc xong, thân thể gầy còm,

nhân sắc tiêu tụy, đến chỗ Đức Phật nơi tịnh xá Kỳ-hoàn, đánh lễ sát chân, rồi ngồi lui qua một bên, Đức Thế Tôn an ủi khách Tỳ-kheo:

- Nơi trú xứ của các thầy có được an lạc hay không? Có hòa hợp không? Không vì vấn đề khát thực mà vất vả chăng? Khách Tỳ-kheo thưa:

- Trú xứ được an lạc; hòa hợp không có tranh cãi. Nước đó không có cháo, nên không nhận được cháo, do đó khí lực bị tiêu tụy.

Đức Phật hỏi:

- Nước kia thường ăn những thức ăn gì?

Các Tỳ-kheo thưa:

- Nước kia thường dùng thức ăn bằng bánh.

Đức Phật dạy:

- Cho phép ăn bánh.

Bấy giờ, có người mua ngựa ở nước Ba-la-nại đến nước Xá-vệ, muốn làm cho chúng Tăng những bánh, bột đậu,¹⁷¹⁵ lương khô, hủ đựng

1715. Đậu khúu 豆糗. Khúu: gạo lúa mạch rang khô, hay cơm khô, hay lương khô (Khang hy).

bột,¹⁷¹⁶ đồ lường bột, muối và hủ đựng muối; dấm và bình dấm; thùng gỗ,¹⁷¹⁷ cái thìa, cái vá, ma cao, chén, cúng gói, cúng thức ăn bằng củ, bằng cọng, bằng lá, bằng hoa, bằng trái, bằng dầu, bằng mè, bằng đường cát đen, đồ ăn nghiền nát. Đức Phật dạy:

- Tất cả thức ăn trên được thọ nhận.

Các Tỳ-kheo ăn như vậy, không biết cháo này thuộc về thức ăn hay chẳng phải thức ăn,¹⁷¹⁸ được thỉnh hay chẳng phải thỉnh, túc thực hay chẳng phải túc thực. Phật dạy:

- Nếu lấy cọng cỏ vẽ ngang qua mà không có dấu là chẳng phải thức ăn, chẳng phải thỉnh, chẳng phải túc thực.

Bấy giờ, Tỳ-kheo có ý nghĩ: Uống nước nấu cơm là thức ăn hay chẳng phải thức ăn, được thỉnh hay chẳng phải thỉnh, có túc thực hay không? Đức Phật dạy:

- Nếu không chen lẫn cơm nát mà uống thì chẳng phải thức ăn, chẳng phải thỉnh, chẳng phải túc thực.

Bấy giờ, các Tỳ-kheo có ý nghĩ: Không biết bánh là thức ăn hay chẳng phải thức ăn, là thỉnh hay chẳng phải thỉnh, có túc thực hay không? Đức Phật dạy:

- Chẳng phải thức ăn, cho đến chẳng phải túc thực.

Bấy giờ, nhóm sáu Tỳ-kheo trộn thức ăn với muối cách đêm.¹⁷¹⁹ Phật dạy:

- Không được trộn muối cách đêm với thức ăn để ăn.

Bấy giờ, Tôn giả Ưu-ba-li để trống vai bên hữu, quỳ gối bên hữu sát đất, chấp tay bạch Phật:

- Nên uống thuốc tận hình thọ vào lúc nào?

Đức Phật dạy tôn giả:

- Không được dùng tùy tiện. Mà chỉ khi nào Tỳ-kheo có nhân duyên bệnh mới uống thuốc tận hình thọ.

